

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền kinh tế hàng hoá năng động và tăng trưởng, hoà nhập với nền kinh tế thế giới là mục tiêu và cũng là con đường mà Đảng và Nhà nước ta đã tiến đến. Trong lịch sử phát triển của loài người, hoạt động sản xuất chiếm một vai trò cực kỳ quan trọng, nó tạo ra của cải vật chất, cơ sở tồn tại và phát triển của con người.

Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh đều nhằm mục đích phục vụ tốt hơn cuộc sống con người. Vì vậy, họ không ngừng đặt câu hỏi làm cách nào để thu được lợi nhuận và không ngừng nâng cao lợi nhuận cũng như để đứng vững trong thị trường đầy cạnh tranh. Một trong nhiều biện pháp quan trọng mà các doanh nghiệp quan tâm là không ngừng tiết kiệm chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đồng thời phải thường xuyên theo dõi tính toán, đo lường và ghi chép lập biểu đồ mọi hoạt động của doanh nghiệp.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy kế toán của công ty em nhận thấy kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nên luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa học trong công tác hạch toán kế toán, vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: **“Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên”**.

Mục đích nghiên cứu: Chuyên đề được thực hiện nhằm mục đích nghiên cứu những điểm hợp lý và bất hợp lý trong quá trình hạch toán nghiệp vụ bán hàng và tiêu thụ sản phẩm tại Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên. Từ đó đưa ra một số biện pháp hoàn thiện công tác hạch toán trong điều kiện hiện nay của Công ty.

Chuyên đề gồm 3 chương sau:

Chương 1: Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên.

Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán và cô giáo - Tiến sĩ Giang Thị Xuyên. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên luận văn của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo để khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1. Một số khái niệm về các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

- *Bán hàng*: Là quá trình chuyển giao quyền sở hữu từ người bán sang người mua đồng thời người bán có quyền đòi tiền về số sản phẩm đã chuyển giao.

- *Doanh thu*: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- *Doanh thu thuần*: Là số chênh lệch giữa doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu

- *Thời điểm ghi nhận doanh thu*: Là thời điểm người mua chấp nhận thanh toán.

- *Các hoạt động kinh doanh và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ *Kết quả sản xuất kinh doanh*: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn của hàng hoá, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ *Kết quả hoạt động tài chính*: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

+ *Kết quả hoạt động khác*: là chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và khoản chi phí khác

1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành theo quyết định số 149/2001/QĐ/BTC ngày 31/12/2001 của Bộ tài chính.

• *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoả mãn 5 điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng bán cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

• *Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận thoả mãn 4 điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

• *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời 2 điều kiện sau:*

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu

- Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- Doanh thu phát sinh từ giao dịch được xác định bởi thoả thuận giữa doanh nghiệp với bên mua hoặc bên sử dụng tài sản. Nó được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được sau khi trừ (-) các khoản chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán

bị trả lại.

- Đối với các khoản tiền hoặc tương đương tiền không được nhận ngay thì doanh thu được xác định bằng cách quy đổi giá trị danh nghĩa của các khoản sẽ thu được trong tương lai về giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu theo tỷ lệ lãi suất hiện hành. Giá trị thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu có thể nhỏ hơn giá trị danh nghĩa sẽ thu được trong tương lai.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ tương tự về bản chất và giá trị thì việc trao đổi đó không được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

- Khi hàng hoá hoặc dịch vụ được trao đổi để lấy hàng hoá hoặc dịch vụ khác không tương tự thì trao đổi đó được coi là một giao dịch tạo ra doanh thu.

1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh và giám sát kế hoạch tiêu thụ sản phẩm. Tính toán và phản ánh chính xác kịp thời doanh thu bán hàng

- Ghi chép và phản ánh kịp thời các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu bán hàng hoặc doanh thu của số hàng bị trả lại để sản xuất chính xác doanh thu bán hàng thuần.

- Tính toán chính xác, đầy đủ và kịp thời kết quả tiêu thụ

- Tham gia công tác kiểm kê, đánh giá sản phẩm, lập các báo cáo về tình hình tiêu thụ sản phẩm

- Theo dõi chặt chẽ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để làm cơ sở cho việc tính toán chính xác kết quả hoạt động kinh doanh

- Phản ánh với Ban giám đốc một cách chính xác kịp thời mọi hoạt động kinh doanh

- Cung cấp thông tin cho việc kiểm tra, đánh giá, điều hành, quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp làm cơ sở lựa chọn phương án kinh doanh có hiệu quả

- Giám sát tình hình thực hiện dự toán chi phí, thực hiện kế hoạch lợi nhuận bán hàng và tình hình thực hiện nghĩa vụ nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

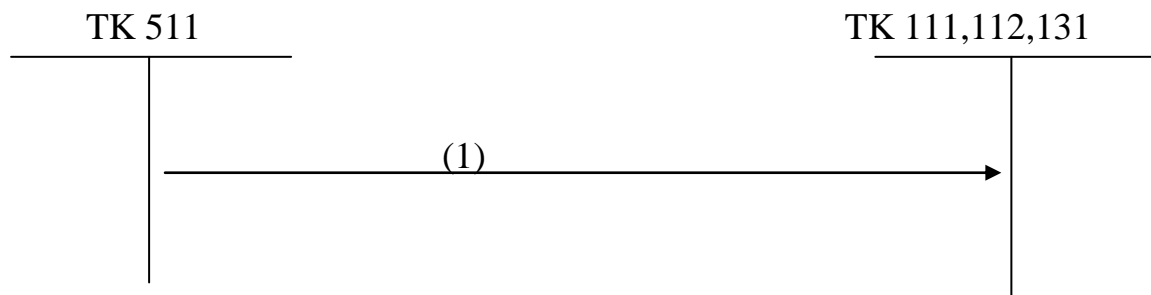
* Các phương thức tiêu thụ hàng hoá chủ yếu trong các doanh nghiệp

➤ Phương thức bán hàng trực tiếp

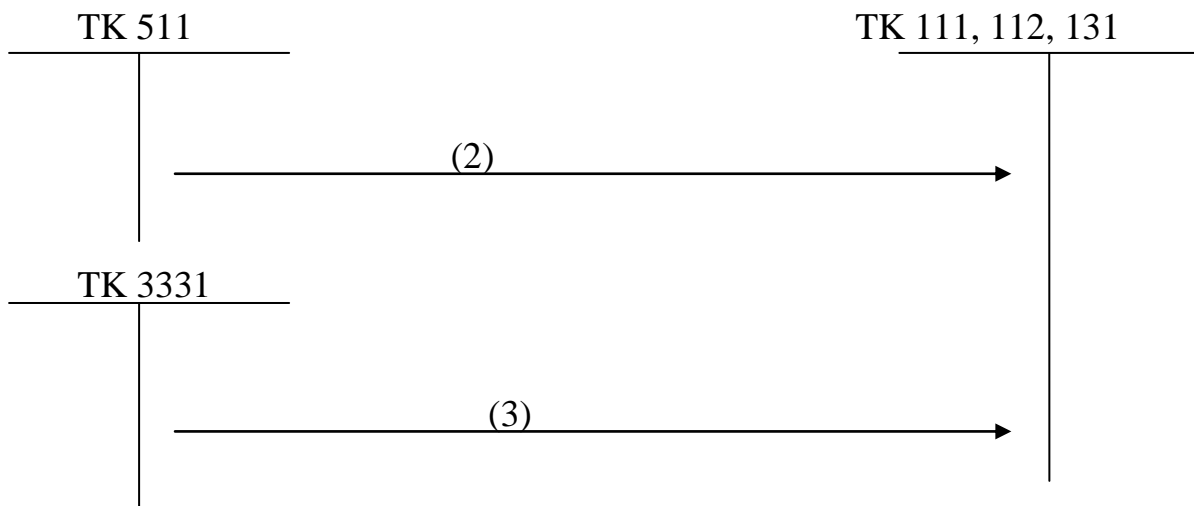
Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hoá đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức coi là tiêu thụ

Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng trực tiếp

+ Nếu doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp trực tiếp



+ Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:



Ghi chú:

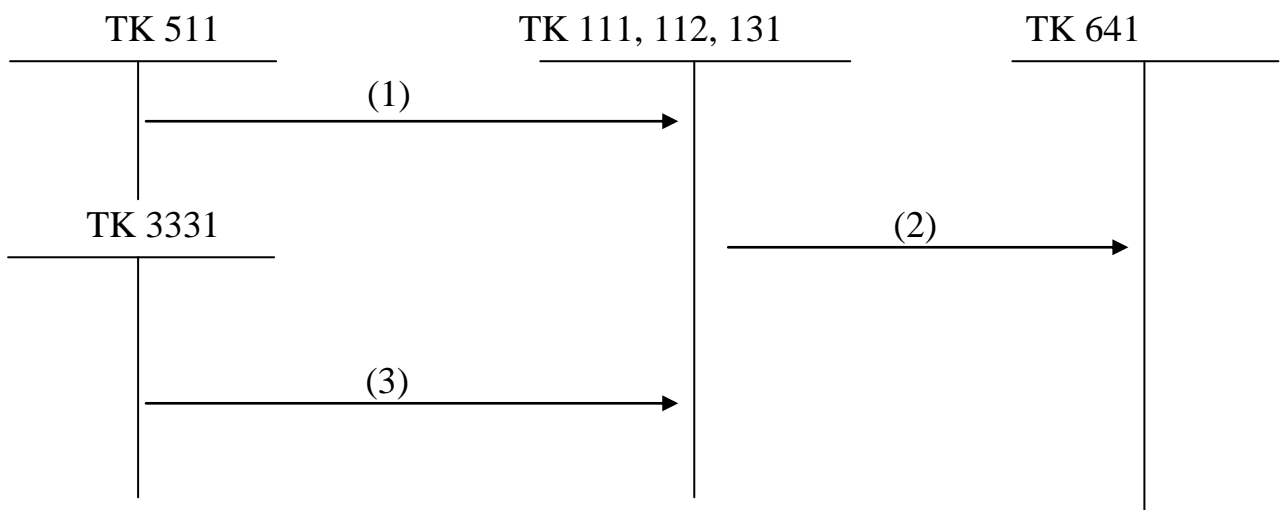
- (1) Tổng giá thanh toán
- (2) Doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT
- (3) Thuế GTGT phải nộp

➤ *Phương thức bán hàng qua các đại lý, ký gửi hàng*

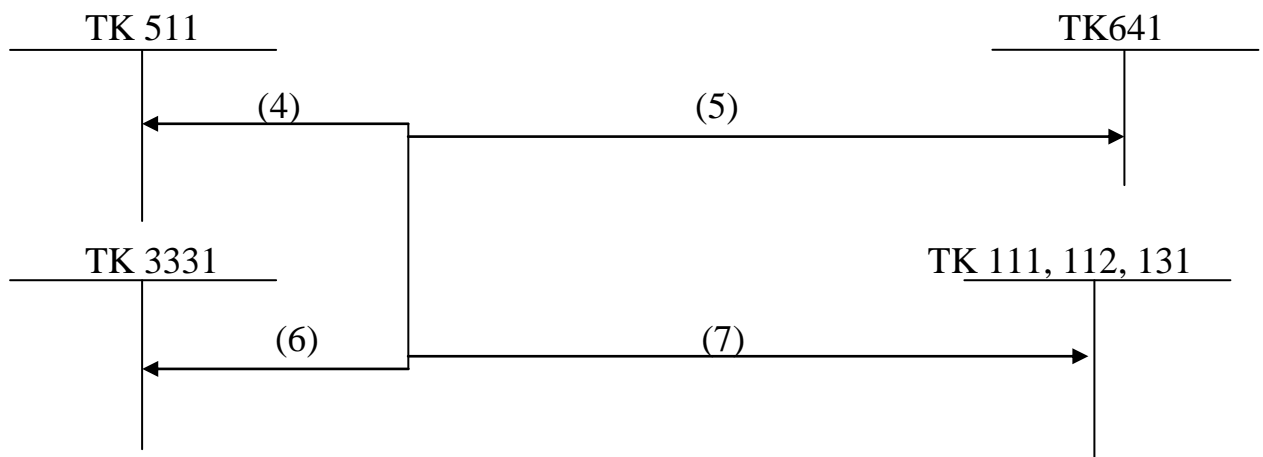
Theo phương thức này, bên bán có hàng bán gửi hàng cho các đại lý hoặc đơn vị nhận bán hàng ký gửi. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên có hàng bán cho đến khi hàng được tiêu thụ. Khi số hàng bán được, thì chủ hàng sẽ trả cho các đại lý, bên nhận bán hàng ký gửi một khoản hoa hồng tính theo tỷ lệ phần trăm(%) trên giá bán của số hàng đã bán được. Khoản hoa hồng này hạch toán vào chi phí bán hàng

Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức bán hàng qua các đại lý, ký gửi

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:
 - Trường hợp doanh thu và tiền hoa hồng đại lý tách rời nhau

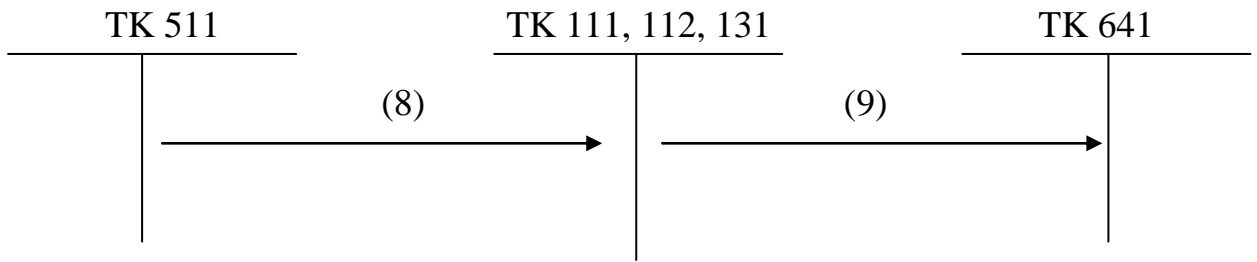


- Trường hợp tính tiền hoa hồng ngay vào doanh thu

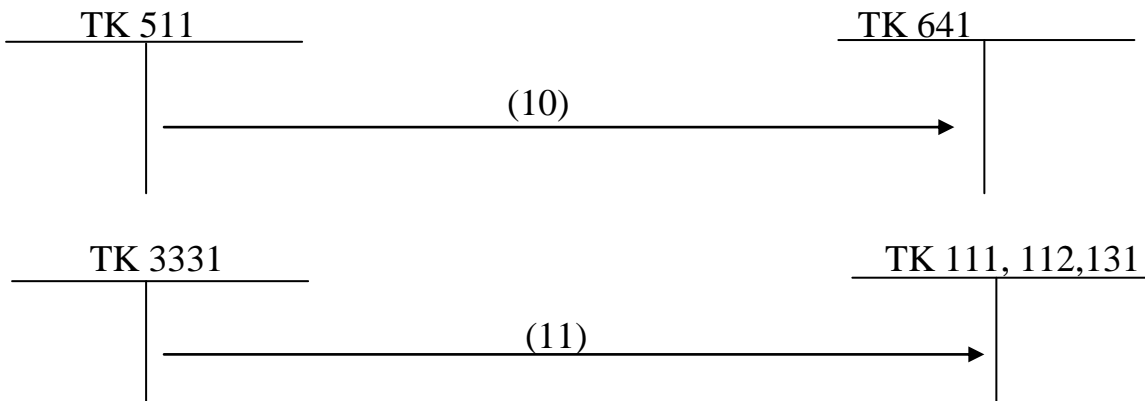


Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

- Nếu doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
 - Trường hợp doanh thu bán hàng và hoa hồng đại lý tách rời



- Trường hợp hoa hồng đại lý trừ vào doanh thu



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng chưa thuế GTGT
- (2) Trả hoa hồng đại lý
- (3) Thuế GTGT phải nộp
- (4) Doanh thu bán hàng chưa thuế
- (5) Trả hoa hồng đại lý
- (6) Số tiền còn nhận từ đại lý
- (7) Tổng giá thanh toán
- (8) Trả hoa hồng đại lý
- (9) Trả tiền hoa hồng đại lý
- (10) Số tiền nhận được từ đại lý

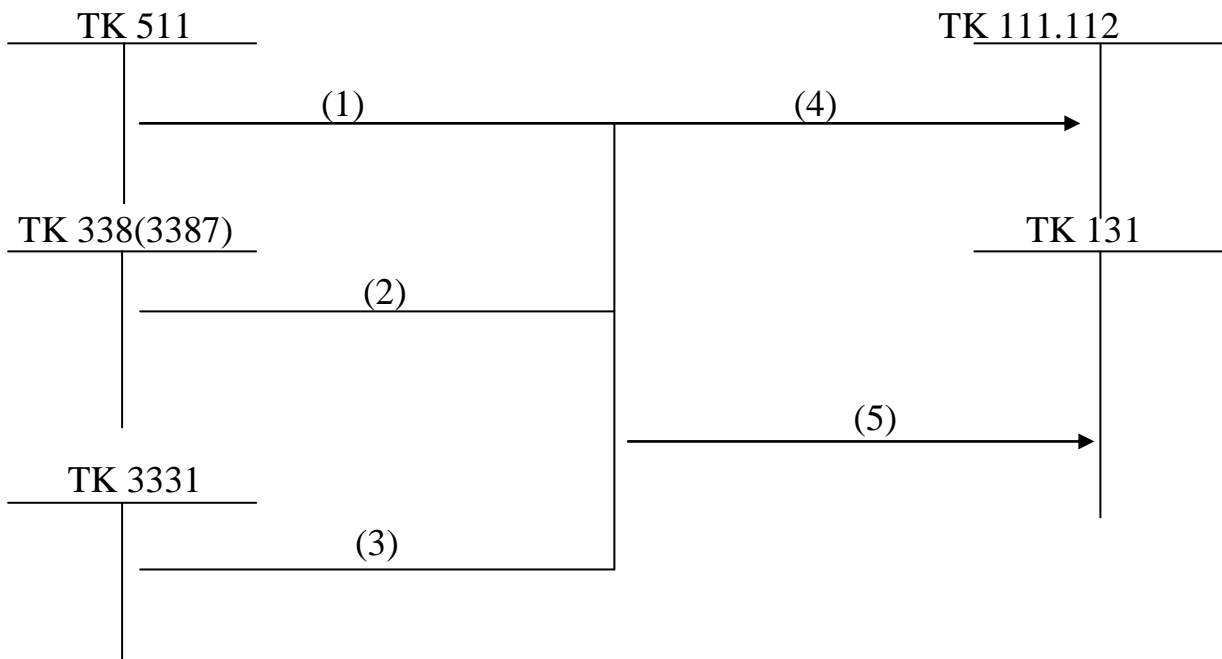
➤ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*

Theo phương thức này là việc bán hàng thu tiền nhiều lần. Khi giao hàng cho người mua thì được coi là hàng tiêu thụ và được ghi nhận doanh thu. Doanh thu

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thuỷ Bến Kiên

bán hàng được tính theo giá bán tại thời điểm thu tiền một lần; khách hàng chỉ thanh toán một phần tiền mua hàng để nhận hàng và phần còn lại trả dần trong một thời gian và chịu khoản lãi theo quy định hợp đồng

Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán doanh thu trong trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp



Ghi chú:

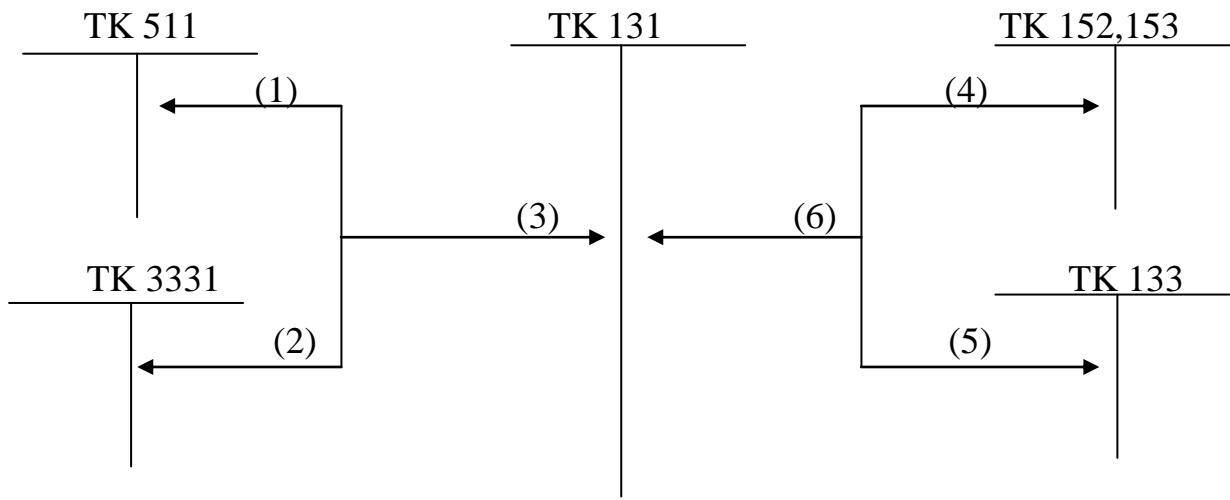
- (1) Doanh thu bán hàng ghi theo giá bán trả tiền ngay
- (2) Lãi trả góp hoặc lãi trả chậm phải thu của khách hàng
- (3) Thuế GTGT đầu ra
- (4) Số tiền đã thu của khách hàng
- (5) Tổng số tiền còn phải thu khách hàng

➤ *Phương thức bán hàng trao đổi hàng hoá*

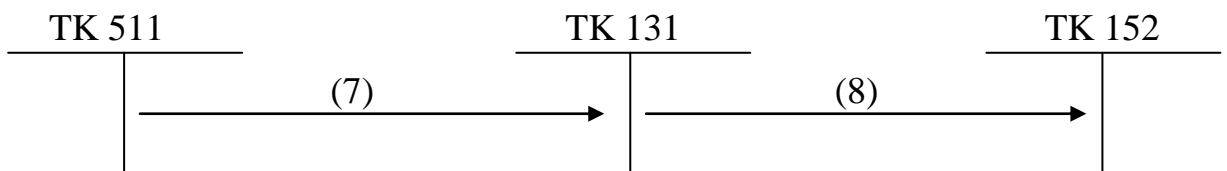
Theo phương thức này, hàng hoá của doanh nghiệp đi tiêu thụ nhưng doanh thu tính bằng giá trị hàng hoá nhận được. Phương thức tiêu thụ này được áp dụng giữa những doanh nghiệp có mối quan hệ với nhau về mặt lưu thông sản phẩm hàng hoá

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu theo phương thức trao đổi hàng hóa

- Nếu doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ



- Nếu doanh nghiệp hạch toán thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp



Ghi chú:

- (1) Doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT
- (2) Thuế GTGT phải nộp
- (3) Số tiền phải thu
- (4) Giá trị hàng hoá nhận về
- (5) Thuế GTGT được khấu trừ
- (6) Số tiền đã thu
- (7) Tổng giá thanh toán
- (8) Giá trị hàng nhận về

* Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng

Chứng từ chủ yếu được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gồm:

- + Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu số 02/GTKT – SLL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

- + Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 GTGT – 3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- + Bản thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 14 – BH)
- + Thẻ quầy hàng (Mẫu 15 – BH)
- + Các chứng từ thanh toán (Phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán...)
- + Tờ khai thuế GTGT (Mẫu 07A/GTGT)
- Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 511 – Doanh thu cung cấp dịch vụ và hàng hoá

TK 512 – Doanh thu nội bộ

- + TK 511 – Doanh thu cung cấp dịch vụ và hàng hoá

Tài khoản này có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ

- + TK 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5121 – Doanh thu bán hàng hoá
- Tài khoản 5122 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

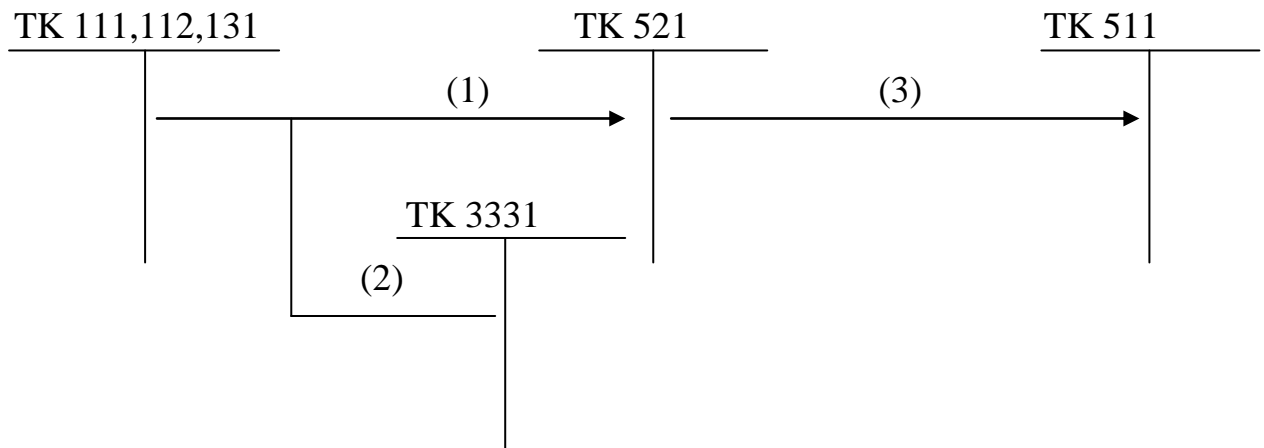
Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ

1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Kế toán chiết khấu thương mại

- Khái niệm: Là số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua bán hàng

Sơ đồ 1.5: Trình tự hạch toán chiết khấu thương mại



Ghi chú:

- (1) Chiết khấu thương mại
- (2) Thuế GTGT được khấu trừ
- (3) Kết chuyển chiết khấu thương mại

• Tài khoản sử dụng:

Để hạch toán chiết khấu thương mại, kế toán sử dụng TK 521

Tài khoản này có 3 tài khoản cấp 2:

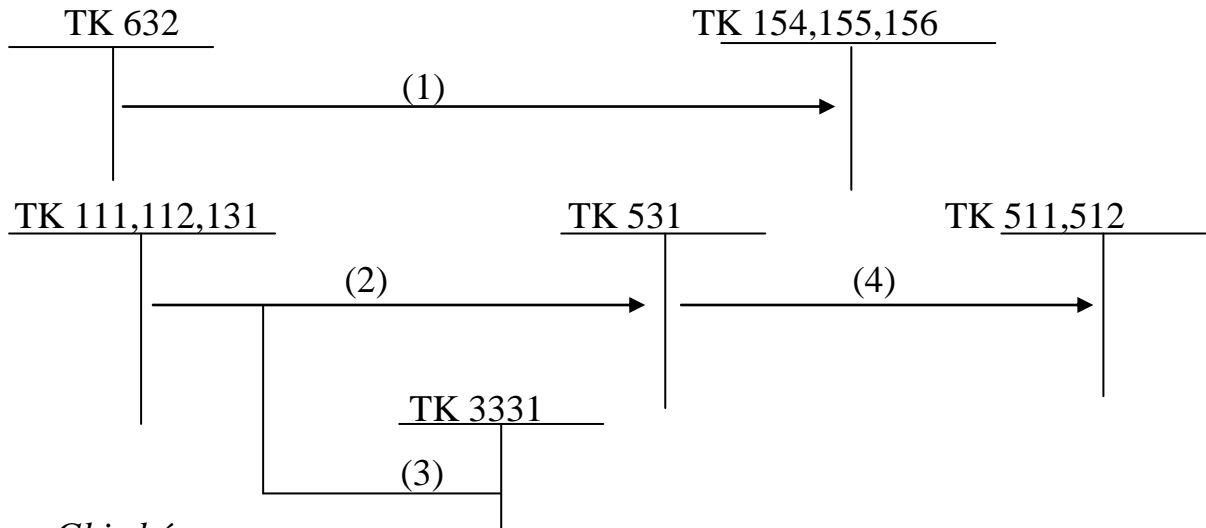
- Tài khoản 5211 - Chiết khấu hàng hoá
- Tài khoản 5212 - Chiết khấu thành phẩm
- Tài khoản 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.2. Kế toán hàng bán bị trả lại

- Khái niệm: Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ, đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, không đúng chủng loại...

Sơ đồ 1.6: Trình tự hạch toán hàng bán bị trả lại



Ghi chú:

- (1) Giá vốn hàng bán bị trả lại
- (2) Doanh thu chưa thuế của hàng bán bị trả lại
- (3) Thuế GTGT của hàng bán bị trả lại
- (4) Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại

- Tài khoản sử dụng:

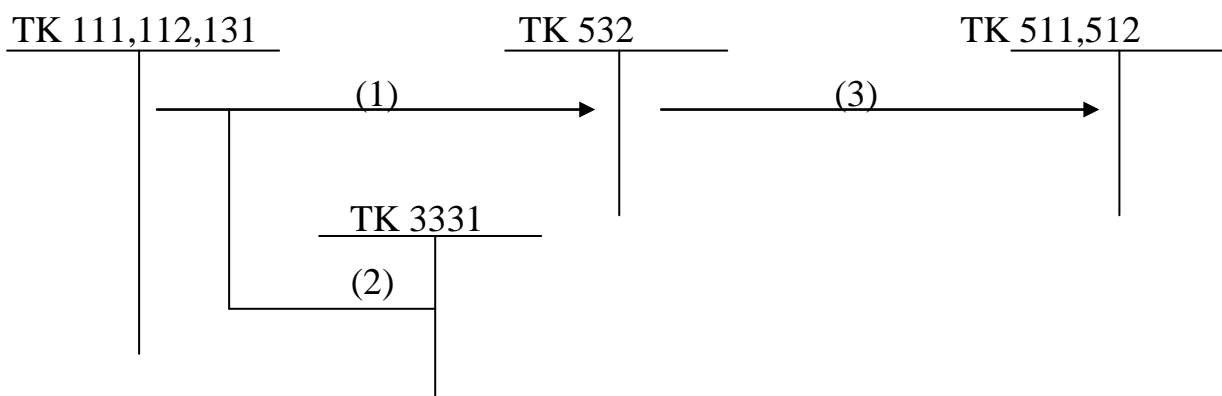
Để hạch toán nghiệp vụ này, kế toán sử dụng TK 531 – Hàng bán bị trả lại

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán

- Khái niệm: Giảm giá hàng bán là khoản tiền doanh nghiệp (bên bán) giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách, hoặc không đúng thời hạn... đã ghi trong hợp đồng.

Sơ đồ 1.7: Trình tự hạch toán giảm giá hàng bán



Ghi chú:

- (1) Doanh thu chưa thuế của hàng bán bị trả lại
 - (2) Thuế GTGT của số tiền được giảm
 - (3) Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại
- Tài khoản sử dụng:

Để theo dõi nghiệp vụ này kế toán TK 532 - Giảm giá hàng bán

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ. Đối với sản phẩm, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất thực tế hay chi phí sản xuất thực tế. Vật tư tiêu thụ, giá vốn hàng bán là thực tế (giá gốc) ghi sổ.

Nguyên tắc tính giá vốn:

Tuỳ theo tình hình áp dụng giá xuất kho tại công ty mà kế toán sẽ hạch toán khác nhau. Đối với đơn vị áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên thì kế toán hạch toán giá xuất kho thường xuyên, theo trình tự thời gian, còn nếu áp dụng theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì giá xuất kho được xác định vào cuối kỳ.

Phương xác định giá vốn:

*** Xuất kho theo giá thực tế:**

○ *Phương pháp theo đơn giá đích danh:*

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

+ Ưu điểm:

- Công tác tính giá nguyên vật liệu được thực hiện kịp thời thông qua nguyên vật liệu xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời gian bảo quản của từng lô nguyên vật liệu.

- Đây là phương pháp có thể coi là lý tưởng nhất, nó tuân theo nguyên tắc phù hợp của hạch toán kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế - giá trị vật tư xuất dùng cho sản xuất phù hợp với giá trị thành phẩm mà nó tạo ra và giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

+ Nhược điểm:

- Việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ áp dụng được khi có hàng tồn kho có thể phân biệt được, chia tách thành từng loại, từng thứ riêng rẽ.

+ Điều kiện áp dụng:

Phương pháp này thường sử dụng trong những doanh nghiệp có ít nguyên vật liệu hoặc nguyên vật liệu ổn định và nhận diện được.

○ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này trị giá vốn thực tế của thành phẩm khi xuất kho được tính căn cứ vào số lượng thành phẩm xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền, theo công thức:

<i>Trị giá thành phẩm xuất kho</i>	=	<i>Số lượng thành phẩm xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá bình quân gia quyền</i>
---	---	--	---	---

Trong đó:

Đơn giá bình quân gia quyền	=	Trị giá thực tế thành phẩm tồn đầu kỳ	+	Trị giá vốn thực tế thành phẩm nhập trong kỳ
		Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ	+	Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ

- Đơn giá bình quân thường được tính cho từng loại thành phẩm
- Đơn giá bình quân có thể xác định cho cả kỳ được gọi là đơn giá bình quân cả kỳ hay đơn giá bình quân cố định. Theo cách tính này, khối lượng tính toán giảm nhưng chỉ tính được trị giá vốn thực tế của thành phẩm vào thời điểm cuối kỳ nên không thể cung cấp thông tin quản lý kịp thời.

○ *Phương pháp nhập trước xuất trước:*

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

+ Ưu điểm:

- Giúp cho chúng ta có thể tính được ngay giá trị hàng xuất kho từng lần xuất hàng, đảm bảo cung cấp số liệu kịp thời, cung cấp những thông tin hợp lý, đúng đắn về giá trị hàng tồn kho trong bảng cân đối kế toán.
- Hơn nữa giá trị hàng tồn kho sẽ được phản ánh gần sát với giá thị trường và giá trị hàng tồn kho sẽ bao gồm giá trị hàng mua ở những lần mua sau cùng.

+ Nhược điểm:

Theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị sản phẩm, vật tư, hàng hoá đã có từ đó rất lâu. Đồng thời nếu số lượng chủng loại mặt hàng nhiều, phát sinh nhập xuất liên tục dẫn đến những chi phí cho việc hạch toán cũng như khối lượng công việc tăng lên rất nhiều.

+ Điều kiện áp dụng: Phương pháp này thường áp dụng ở những doanh nghiệp có ít danh điểm vật tư, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

○ *Phương pháp nhập sau xuất trước:*

Theo phương pháp này thì giá trị xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau này, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng

tồn kho đầu kỳ hoặc gần cuối kỳ.

+ Ưu điểm:

- Phương pháp này làm cho những khoản doanh thu ở hiện tại phù hợp với những khoản chi phí hiện tại. Vì theo phương pháp này, doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị vật tư vừa mới đưa vào ngay gần đó.

- Trong khi giá cả có xu hướng tăng lên phương pháp này sẽ giúp cho doanh nghiệp có thể giảm được thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả nhà nước. Bởi vì giá của vật tư được mua vào sau cùng, thường cao hơn giá cả của vật tư được nhập trước sẽ được tính vào giá vốn hàng bán và do đó giảm lợi nhuận dẫn đến số thuế lợi tức phải nộp hoặc thuế thu nhập doanh nghiệp giảm.

+ Nhược điểm:

- Phương pháp này bỏ qua việc nhập- xuất trong thực tế. Vật tư hàng hoá thông thương được quản lý theo nhập sau- xuất trước.

- Hơn nữa, với phương pháp này chi phí quản lý hàng tồn kho của doanh nghiệp có thể cao vì phải mua thêm vật tư nhằm tính vào giá vốn hàng bán những chi phí mới nhất với giá cao. Điều này trái ngược với chi phí quản lý hàng tồn kho một cách hiệu quả, giảm thiểu lượng hàng tồn kho nhằm cắt giảm chi phí hàng tồn kho.

- Mặt khác giá trị hàng tồn kho được phản ánh thấp hơn so với giá trị thực tế của nó. Điều này làm cho khả năng thanh toán của đơn vị bị nhìn nhận kém hơn so với khả năng thực tế.

* **Giá hạch toán:**

Đối với doanh nghiệp quy mô lớn, khối lượng chủng loại vật liệu, hàng hoá nhiều chủng loại, phức tạp, tình hình nhập xuất diễn ra thường xuyên nên việc xác định đơn giá xuất kho hết sức khó khăn, tốn kém và không hiệu quả nên các đơn vị này sử dụng giá hạch toán để tính giá xuất kho.

<i>Giá trị hàng xuất kho theo giá hạch toán</i>	=	<i>Số lượng hàng xuất kho</i>	*	<i>Đơn giá hạch toán</i>
---	---	-------------------------------	---	--------------------------

Cuối kỳ, kế toán xác định giá thực tế xuất kho để điều chỉnh lại đơn giá xuất kho

Giá thực tế xuất kho	=	Hệ số chênh lệch	*	Giá hạch toán từng loại
-----------------------------	---	-------------------------	---	--------------------------------

Trong đó:

Hệ số chênh lệch	=	Giá thực tế hàng tồn đầu kỳ	+	Giá thực tế hàng nhập trong kỳ
		Giá hạch toán hàng tồn đầu kỳ	+	Giá hạch toán hàng nhập trong kỳ

1.2.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng

- Chứng từ sử dụng
 - Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
 - Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02 – GTGT)
 - Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 – VT)
 - Hoá đơn bán hàng thẳng, báo cáo bán hàng
 - Bảng kê bán lẻ hàng hoá, dịch vụ
 - Bảng thanh toán hàng đại lý; các chứng từ kế toán khác có liên quan

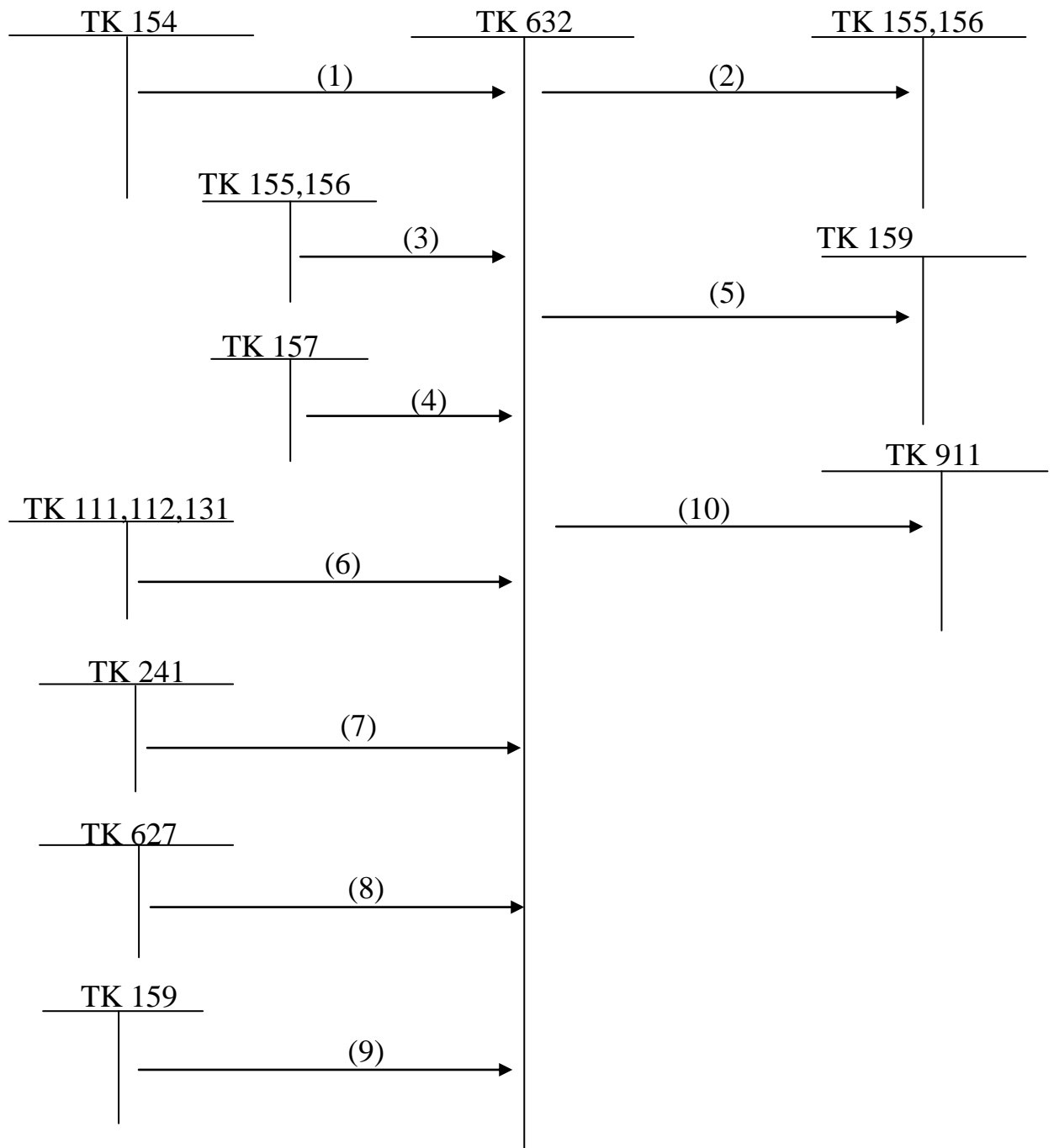
Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán

Chú thích:

- (1) Trị giá bán thẳng không qua kho
- (2) Trị giá hàng bán bị trả lại
- (3) Trị giá thực tế hàng xuất bán
- (4) Giá vốn thực tế hàng gửi bán
- (5) Hoàn nhập dự phòng
- (6) Chi phí mua hàng xuất bán
- (7) Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản vượt quá định mức
- (8) Chi phí sản xuất chung không được phân bổ vào giá thành
- (9) Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

(10) Kết chuyển giá vốn hàng bán



* Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản TK 632 – Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Kế toán chi phí bán hàng

- Khái niệm: Chi phí bán hàng là những chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra có liên quan đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ trong kỳ
- Chứng từ sử dụng
 - Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
 - Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
 - Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Cuối kỳ không có số dư, tài khoản này có 7 tài khoản cấp 2:

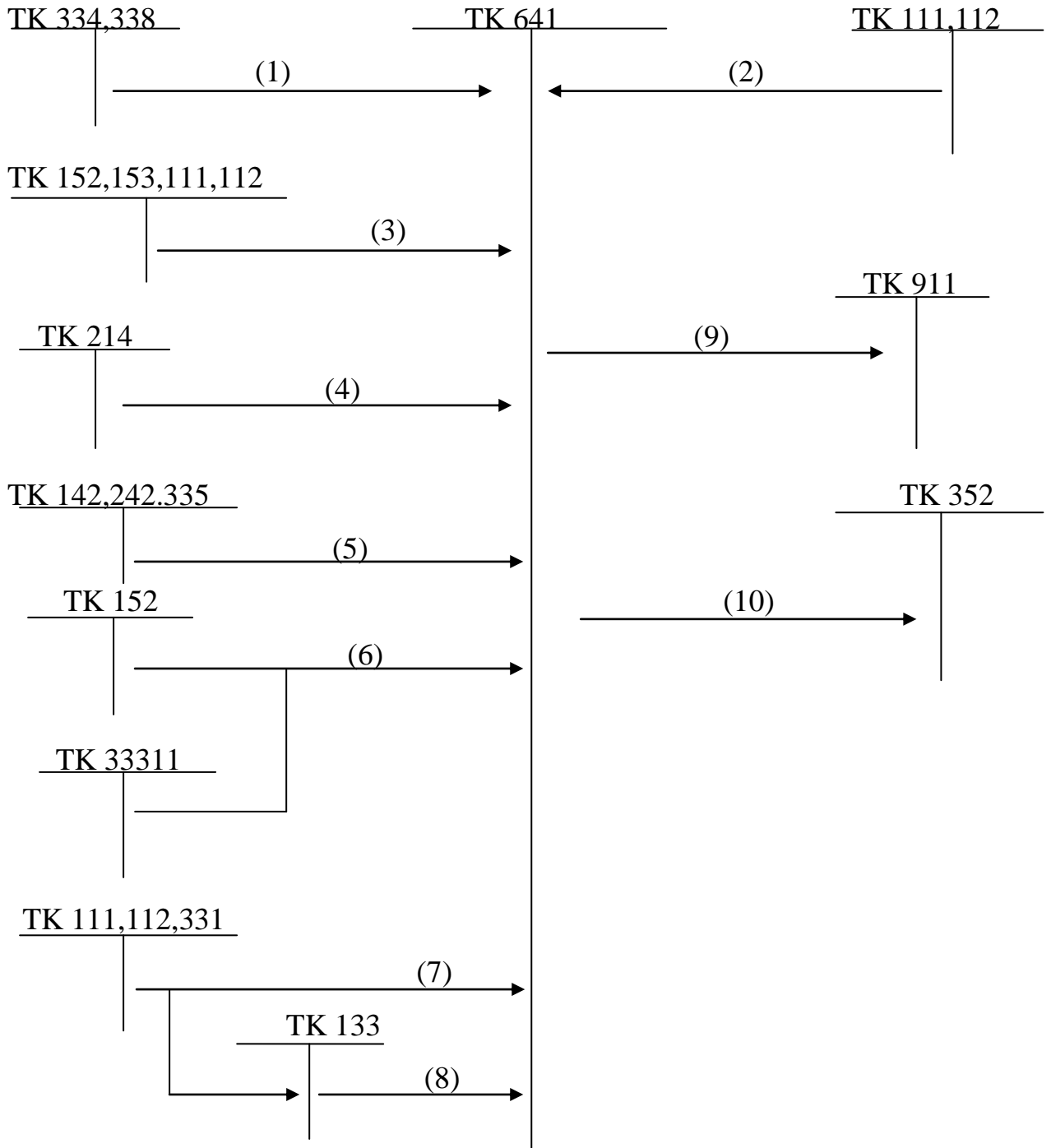
- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán chi phí bán hàng

Chú thích:

- (1) Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương
- (2) Các khoản thu giảm chi
- (3) Chi phí vật liệu dụng cụ
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) Thành phẩm, hàng hoá tiêu dùng nội bộ
- (7) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (8) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí bán hàng
- (9) Kết chuyển chi phí bán hàng

(10) Hoàn nhập dự phòng phải trả về chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá



1.2.4.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

- Khái niệm: Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách riêng ra cho bất kỳ hoạt động nào. Thuộc chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí khác

- Chứng từ sử dụng
 - Căn cứ vào các bảng phân bổ (bảng phân bổ tiền lương, bảng phân bổ vật liệu và công cụ dụng cụ, bảng phân bổ khấu hao TSCĐ)
 - Các chứng từ gốc có liên quan
- Tài khoản sử dụng
 - Kế toán sử dụng TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Cuối kỳ không có số dư, tài khoản này có 8 tài khoản cấp 2:

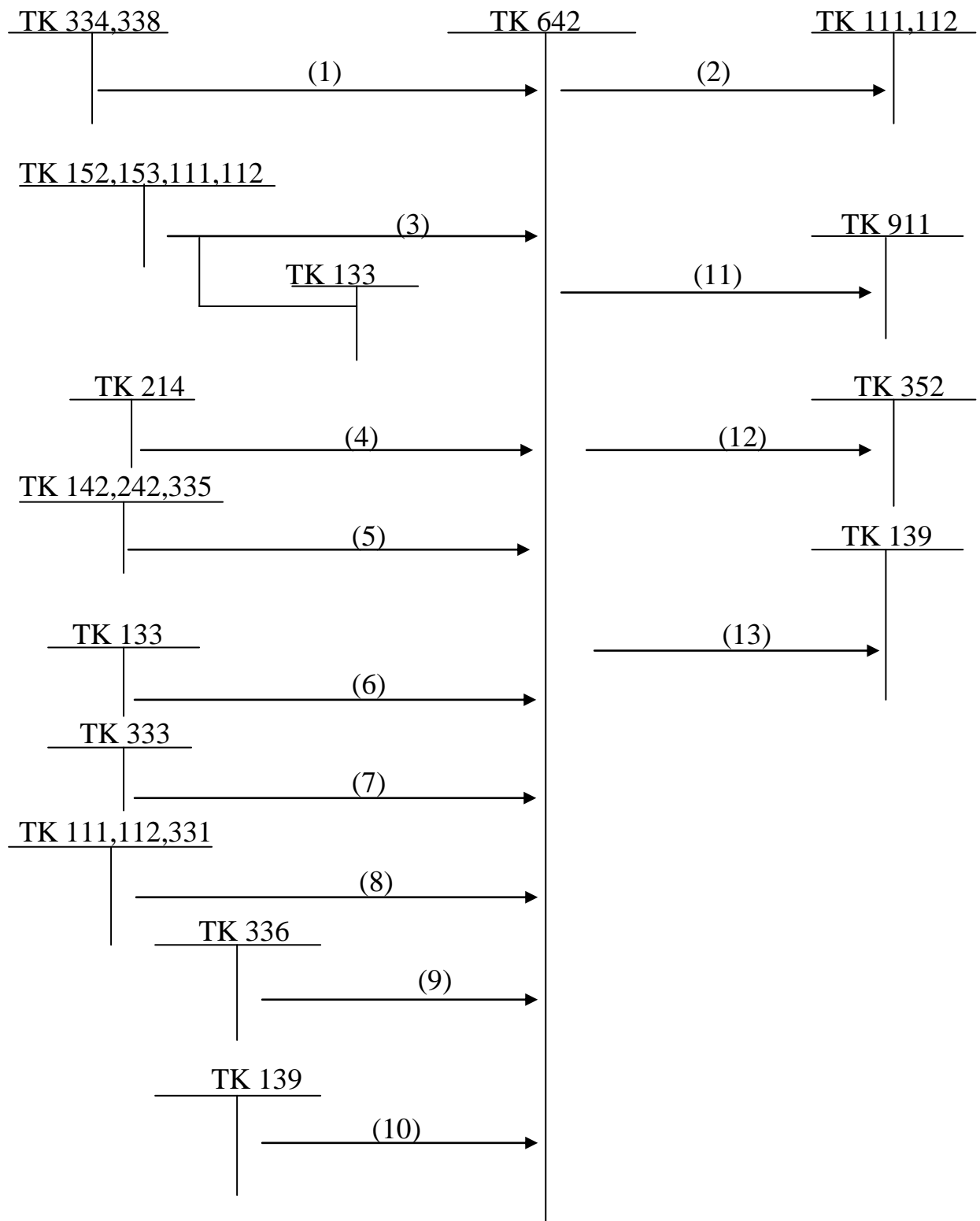
- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 - Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chú thích:

- (1) Chi phí tiền lương, tiền công, phụ cấp tiền ăn ca và các khoản trích theo lương.
- (2) Các khoản thu giảm chi
- (3) Chi phí vật liệu công cụ
- (4) Chi phí khấu hao TSCĐ
- (5) Chi phí phân bổ dần, chi phí trích trước
- (6) Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ nếu tính vào chi phí quản lý
- (7) Thuế môn bài, tiền thuê đất phải nộp nhà nước
- (8) Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác
- (9) Chi phí quản lý cấp dưới phải nộp cấp trên theo quy định
- (10) Dự phòng phải thu khó đòi
- (11) Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- (12) Hoàn nhập dự phòng phải trả

(13) Hoàn nhập số chênh lệch giữa số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số trích lập năm nay



1.2.5. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

❖ Tài khoản kế toán sử dụng

TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. TK 821 bao gồm:

- + TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- + TK 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

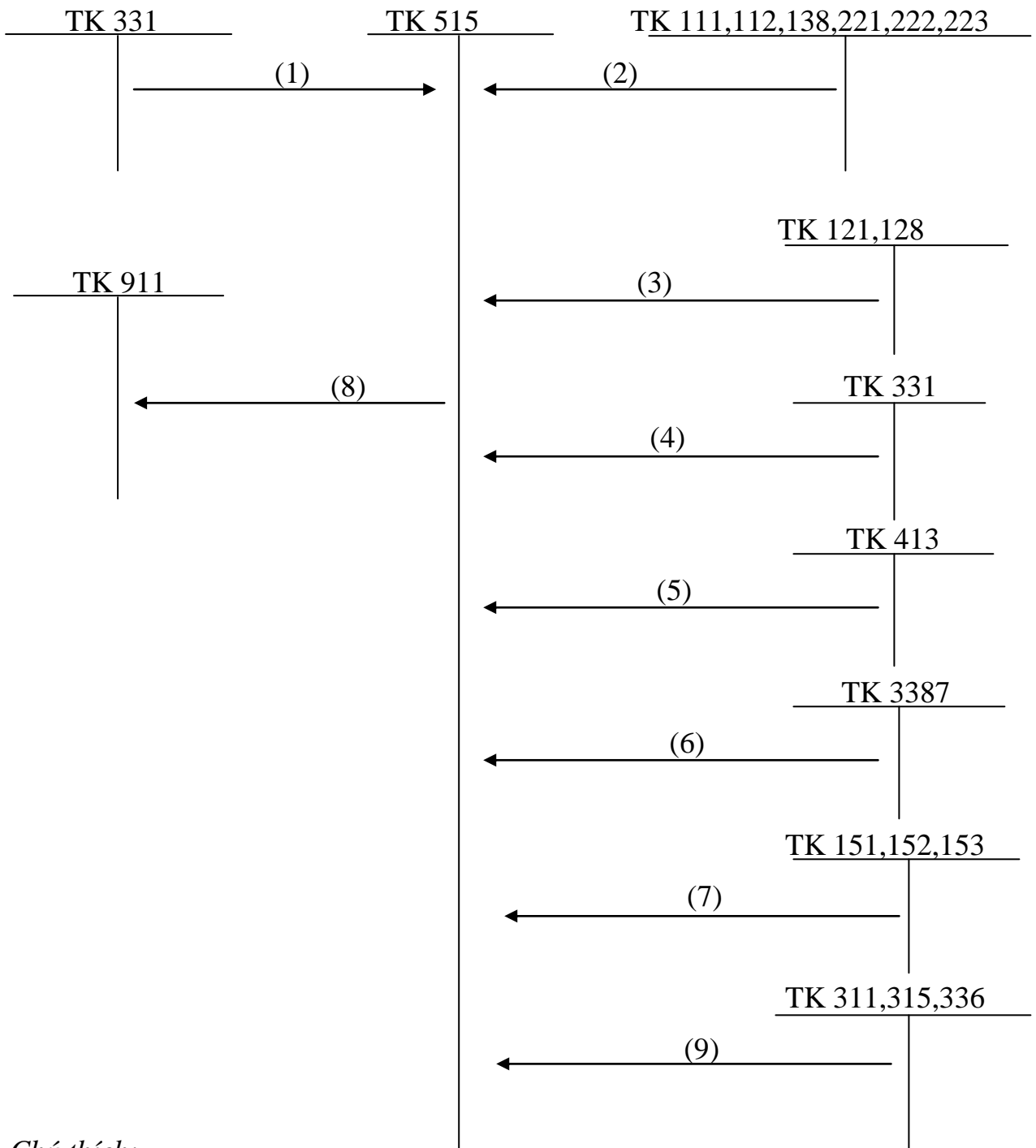
- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác
- Lãi tỷ giá hối đoái
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Chú thích:

- (1) Thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp với hoạt động tài chính(Nếu có)
- (2) Doanh thu cổ tức, lợi nhuận từ hoạt động góp vốn đầu tư, lãi tiền gửi, cổ phiếu, trái phiếu,...
- (3) Cổ tức và lợi nhuận được chia để bổ sung vốn góp
- (4) Chiết khấu thanh toán được hưởng
- (5) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

- (6) Phân bổ tỷ giá hối đoái
- (7) Lãi tỷ giá hối đoái khi mua vật tư bằng ngoại tệ
- (8) Kết chuyển doanh thu tài chính
- (9) Thanh toán nợ phải trả bằng ngoại tệ

1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
 - Chi phí cho vay và đi vay vốn
 - Chi phí góp vốn liên doanh, liên kết
 - Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán
 - Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán
 - Khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...
- ❖ Tài khoản sử dụng

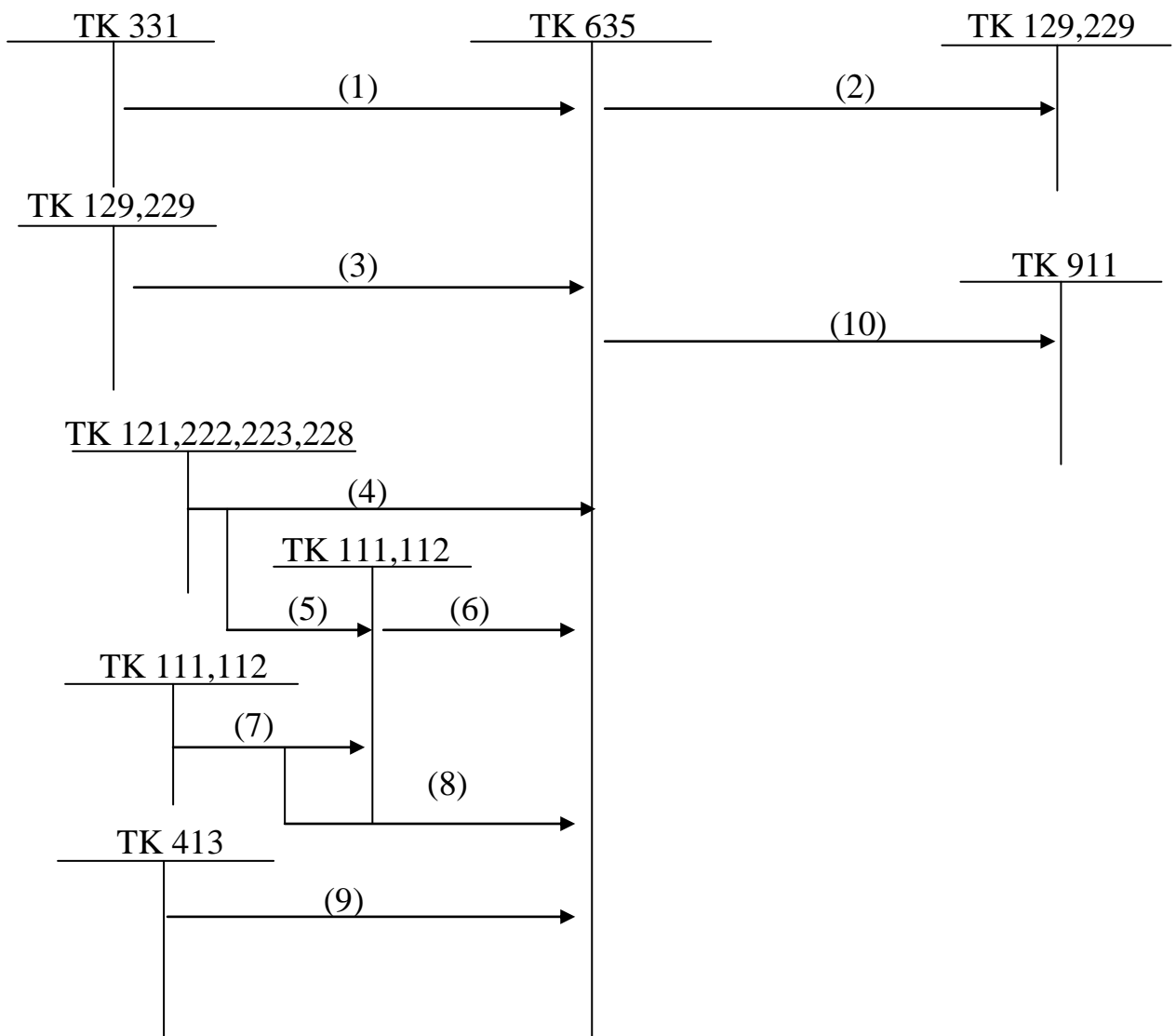
Kế toán sử dụng TK 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán chi phí tài chính

Chú thích:

- (1) Trả lãi tiền vay, phân bổ lãi mua hàng trả chậm, trả góp
- (2) Hoàn nhập số chênh lệch dự phòng giảm giá đầu tư
- (3) Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn
- (4) Lỗ về các khoản đầu tư
- (5) Tiền thu về bán các khoản đầu tư
- (6) Chi phí hoạt động liên doanh, liên kết
- (7) Bán ngoại tệ
- (8) Lỗ về bán ngoại tệ
- (9) Kết chuyển lỗ do đánh giá lại khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ
- (10) Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính



1.2.7. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Các khoản thuế được Ngân sách nhà nước hoãn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).

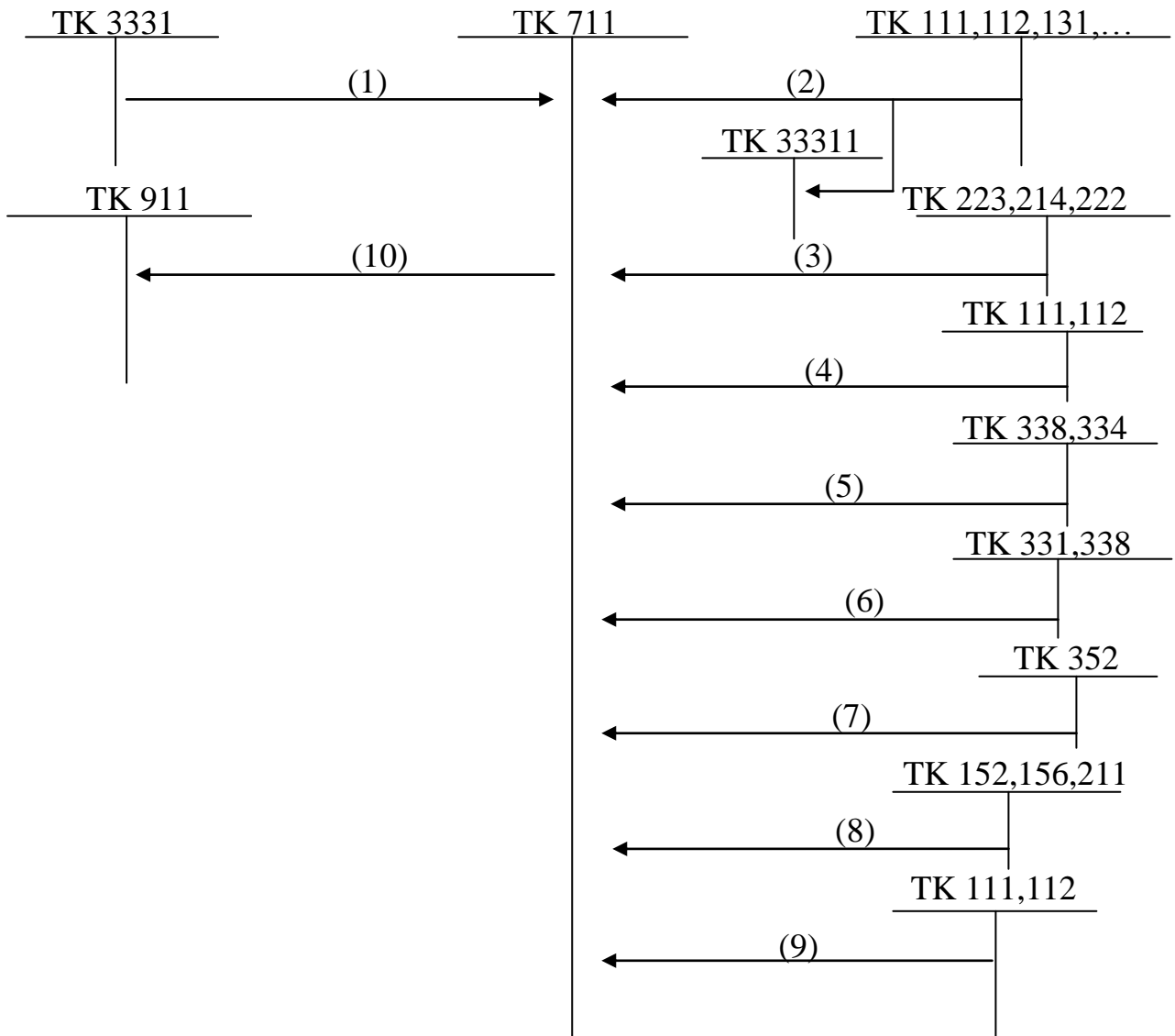
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.13: Trình tự hạch toán thu nhập khác



Chú thích:

- (1) Thuế GTGT phải nộp
- (2) Thu về nhượng bán thanh lý TSCĐ
- (3) Chênh lệch do đánh giá lại tài sản

- (4) Khi thu được các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ, thu tiền bảo hiểm do công ty bảo hiểm bồi thường, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng...
- (5) Tiền phạt khấu trừ vào tiền ký cược, ký quỹ của người ký cược, ký quỹ
- (6) Khoản nợ không xác định được chủ quyết định xoá ghi vào thu nhập khác
- (7) Khi hết thời hạn bảo hành, nếu công trình không phải bảo hành hoặc số dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp lớn hơn chi phí thực tế phát sinh phải hoàn nhập
- (8) Được tài trợ, biếu tặng vật tư hàng hoá, TSCĐ
- (9) Các khoản hoàn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt được tính vào thu nhập khác
- (10) Kết chuyển thu nhập khác

1.2.8. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác của doanh nghiệp bao gồm:

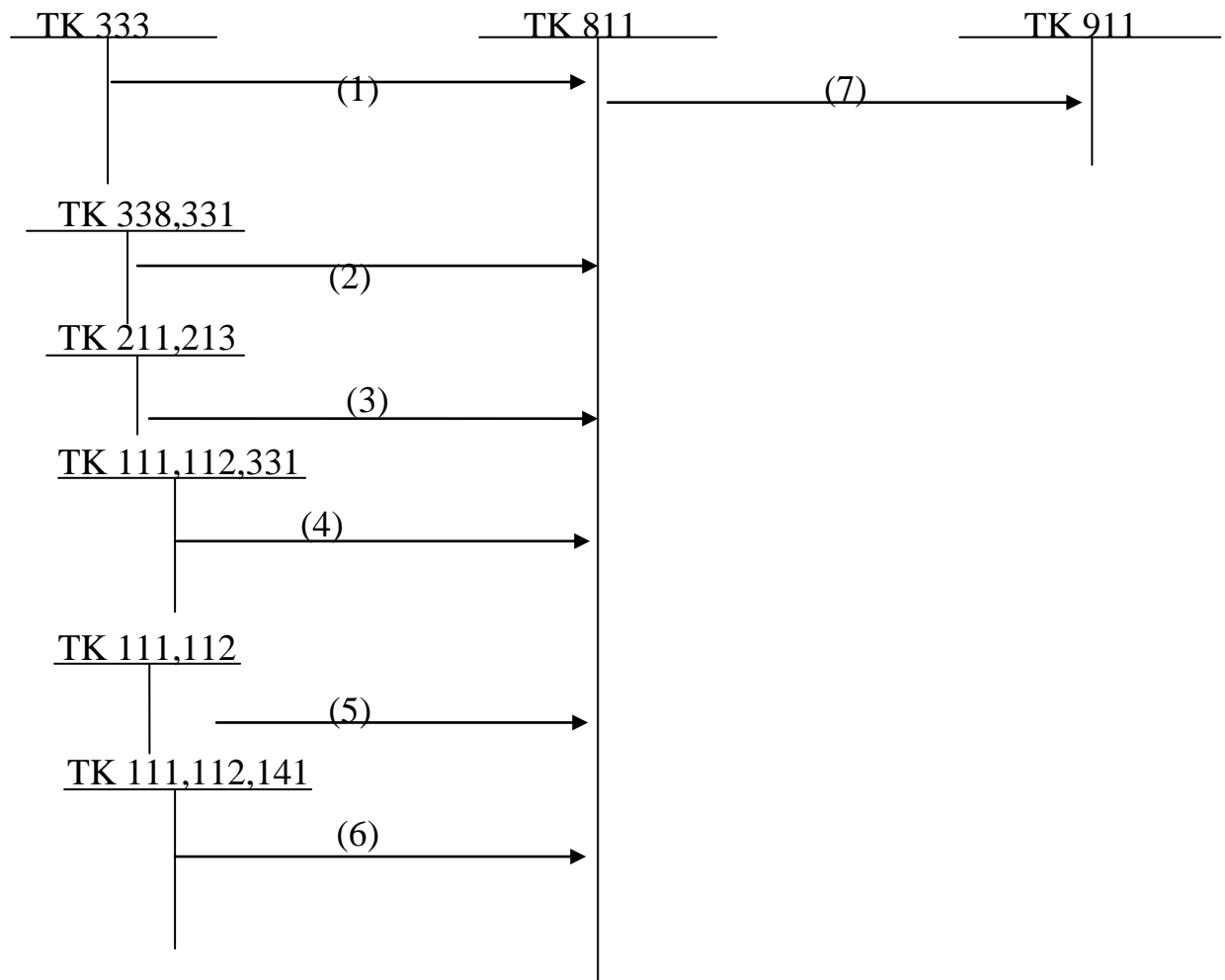
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có)
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí khác

❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 811 – Chi phí khác

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

Sơ đồ 1.14: Trình tự hạch toán chi phí khác



Chú thích:

- (1) Các khoản tiền bị phạt thuế, truy nộp thuế
- (2) Tiền phạt vi phạm hợp đồng
- (3) Ghi giảm TSCĐ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi thanh lý, nhượng bán
- (4) Chi phí phát sinh cho hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- (5) Các khoản tiền bị phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế hoặc vi phạm pháp luật
- (6) Các khoản chi phí khác phát sinh như chi phí khắc phục tổn thất do gặp rủi ro trong kinh doanh, chi phí thu hồi nợ...
- (7) Kết chuyển chi phí khác

1.2.9. Xác định kết quả kinh doanh

- ❖ Nguyên tắc hạch toán xác định kết quả kinh doanh
 - Xác định kết quả hoạt động kinh doanh phải được phản ánh đầy đủ, chính xác các khoản kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán theo đúng quy định của chính sách tài chính hiện hành.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính,...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, hàng hoá, từng loại dịch vụ.
 - Các khoản doanh thu và thu nhập khác để kết chuyển vào TK này là số doanh thu thuần và thu nhập khác.
- ❖ Tài khoản sử dụng

Kế toán sử dụng TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

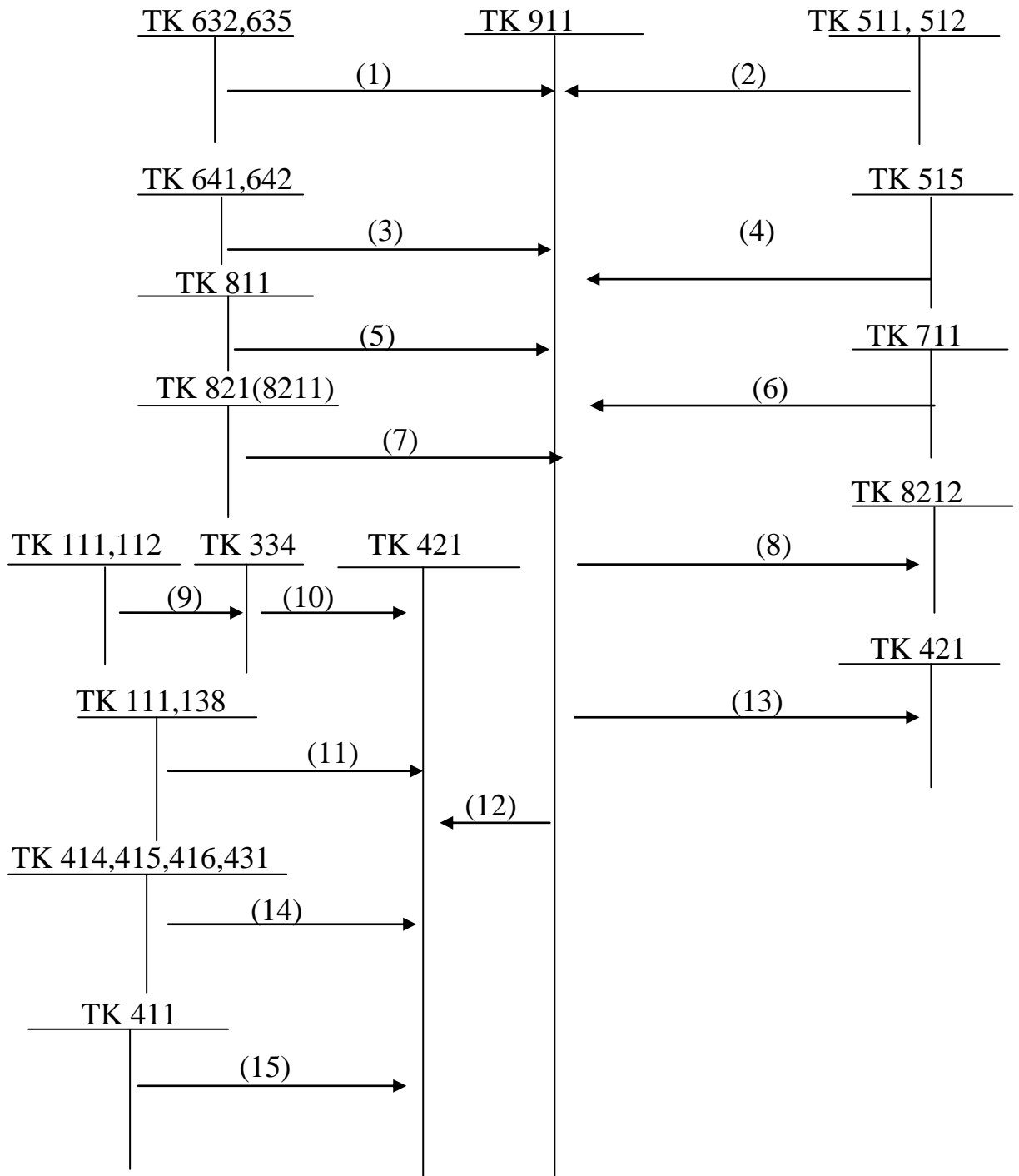
Sơ đồ 1.15: Trình tự hạch toán quá trình xác định kết quả kinh doanh

Chú thích:

- (1) Kết chuyển giá vốn, chi phí hoạt động tài chính
- (2) Kết chuyển doanh thu
- (3) Kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp
- (4) Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- (5) Kết chuyển chi phí khác
- (6) Kết chuyển thu nhập khác
- (7) Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- (8) Kết chuyển số phát sinh Có lớn hơn số phát sinh Nợ TK 8212
- (9) Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp
- (10) Số thuế thu nhập doanh nghiệp
- (11) Chia lãi cho liên doanh
- (12) Kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh
- (13) Kết chuyển lỗ hoạt động kinh doanh

(14) Trích lập các quỹ

(15) Trích bổ sung vốn kinh doanh



1.3. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH THEO CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN

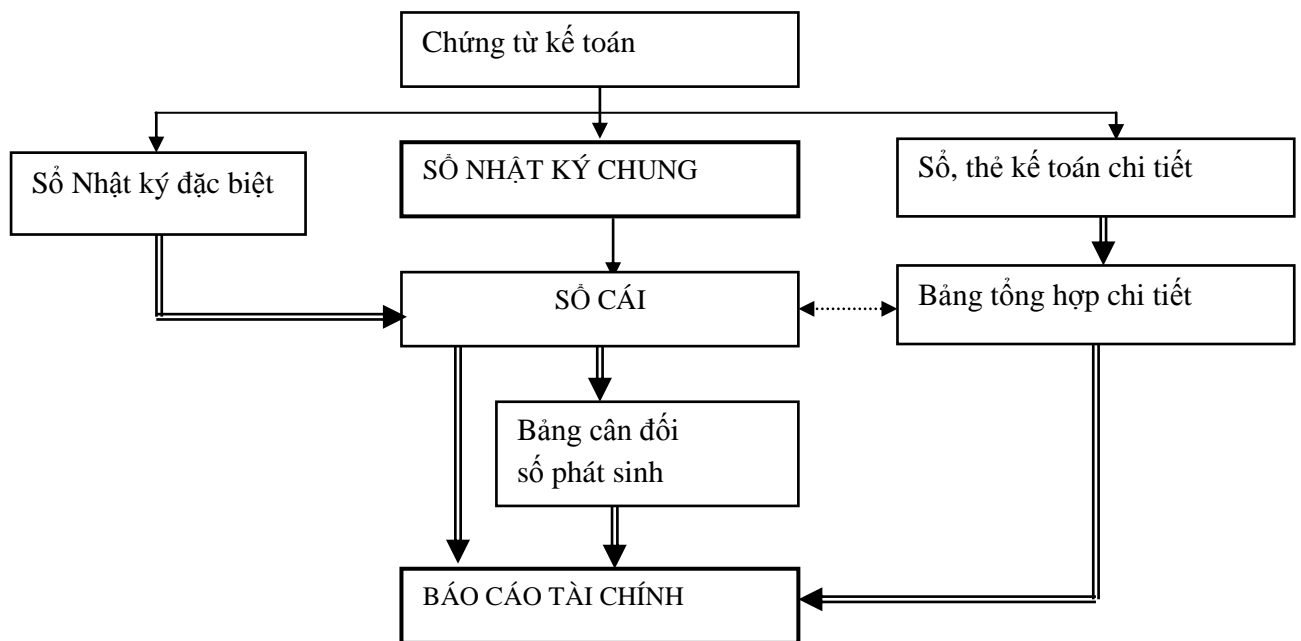
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các TK vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK liên quan

- Ưu điểm: Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công công việc

- Nhược điểm: Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều

Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.....->

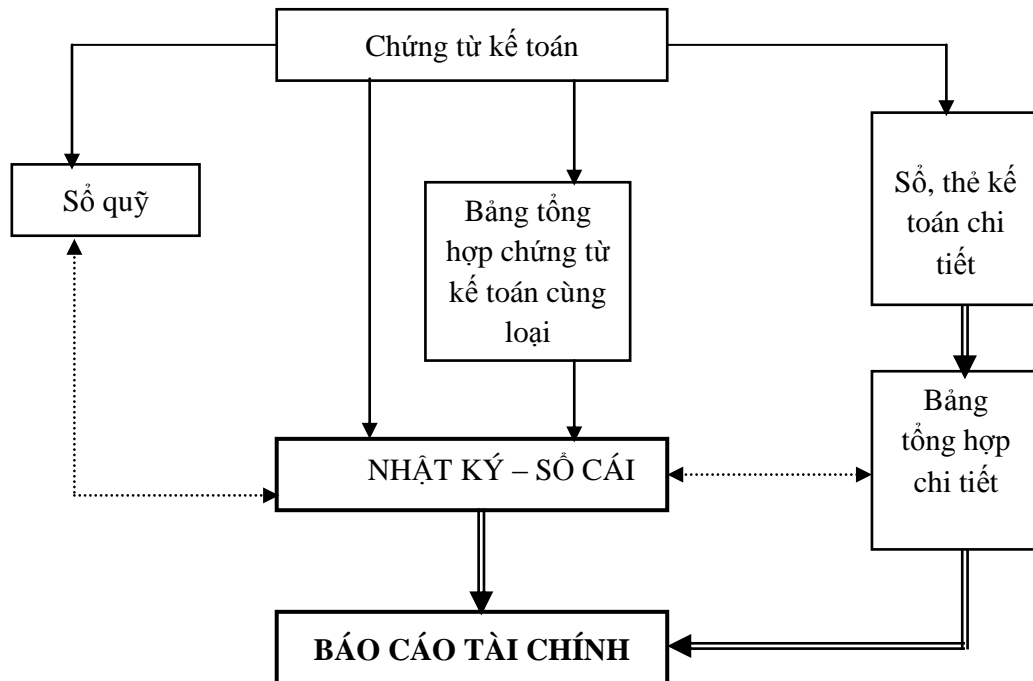
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Đặc điểm: sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo hệ thống trên cùng một trang sổ

- Ưu điểm: sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra, đối chiếu

- Nhược điểm: khó phân công công việc

Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái



Ghi chú:

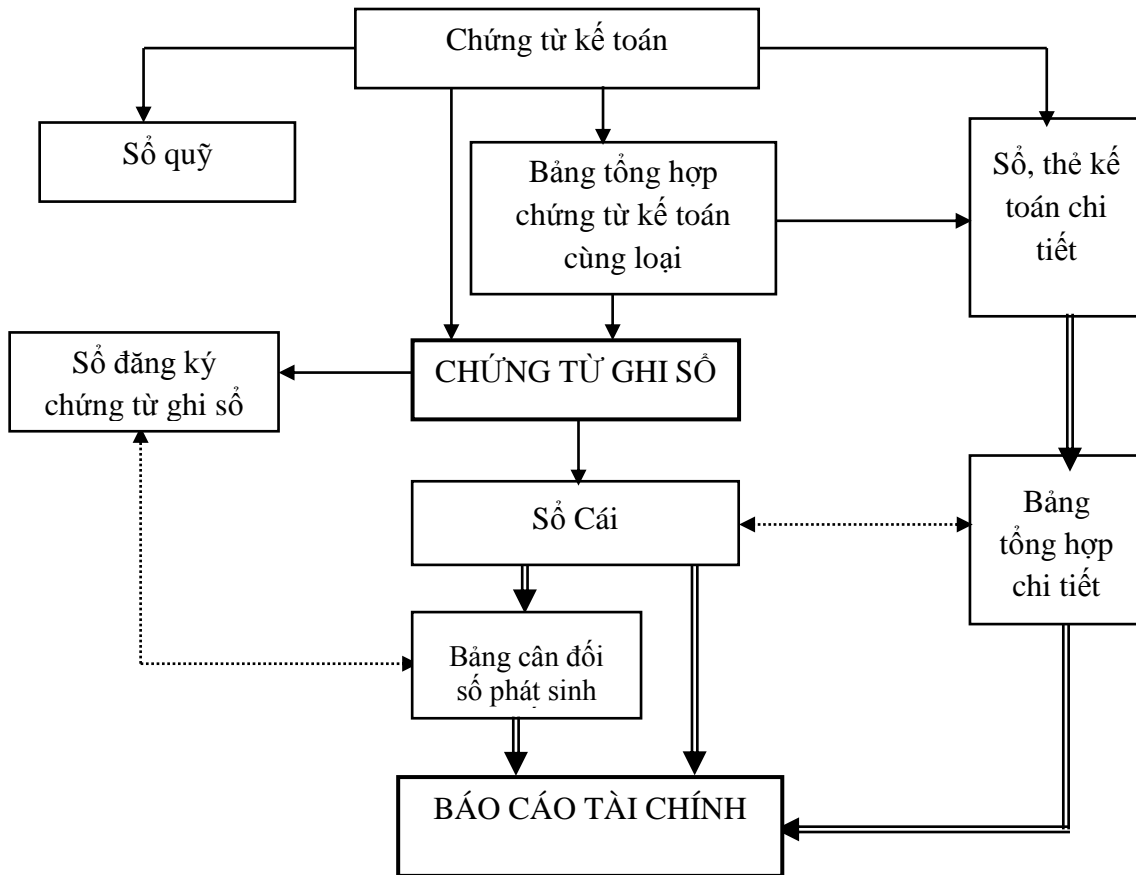
- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ, căn cứ vào chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái tài khoản
- Ưu điểm: Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu
- Nhược điểm: ghi chép con trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều

Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối kỳ \Longrightarrow

Đôi chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ

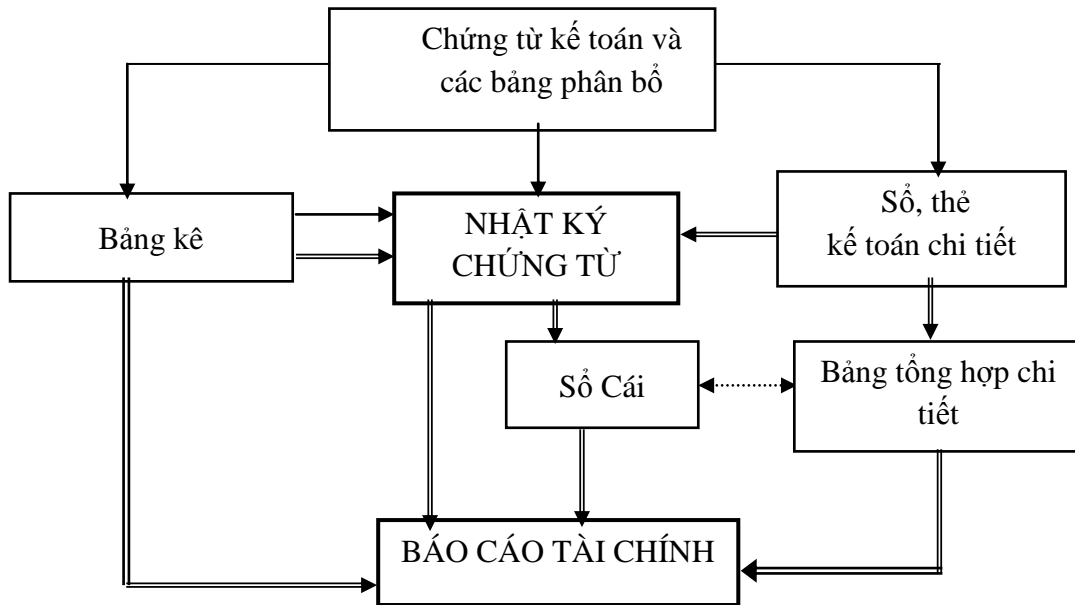
- Đặc điểm: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào bảng kê và Nhật ký chứng từ, cuối tháng tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào sổ cái tài khoản

- Ưu điểm: Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo dõi quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra

- Nhược điểm: Mẫu sổ phức tạp đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng, không thuận tiện cho việc tin học hoá công tác kế toán

Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán

Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————>

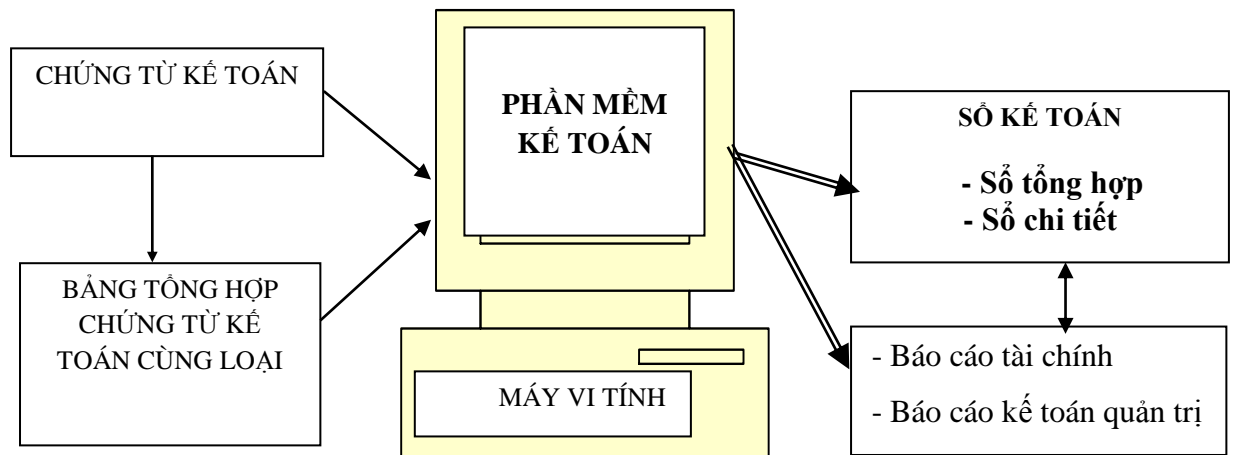
Ghi cuối tháng =====>

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.-.->

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

**Sơ đồ 1.20: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên
máy vi tính**



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ⇒ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

Chương 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIỀN

2.1. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIỀN

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Công ty trước đây là xưởng A3 thuộc nhà máy cơ khí Duyên Hải Hải Phòng, Bộ cơ khí và luyện kim, được khởi công xây dựng tháng 6/1971 tại địa bàn xã An Hồng, huyện An Hải cách thành phố Hải Phòng 14 Km về phía Tây.

Ngày 01/01/1985 xưởng A3 được tách ra thành nhà máy cơ khí Bến Kiên theo Quyết định số 277/CLCB ngày 21/12/1984 của Bộ trưởng Bộ cơ khí luyện kim. Kể từ đó ngày 01/01 hàng năm trở thành ngày truyền thống của công ty.

Ngày 15/06/1990 nhà máy cơ khí Bến Kiên chuyển về Bộ giao thông vận tải và bưu điện, là thành viên của liên hiệp các xí nghiệp đóng tàu Việt Nam, nay là Tổng công ty công nghiệp tàu thủy Việt Nam.

Ngày 16/08/2004 Thủ tướng chính phủ ký quyết định số 150/2004/QĐ-TTg chuyển nhà máy đóng tàu Bến Kiên thành công ty TNHHNN một thành viên CNTT Bến Kiên.

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIỀN

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEN KIEN SHIPBUILDING INDUSTRY COMPANY LIMITED

- Tên công ty viết tắt: BEN KIEN SHIN CO.,LTD

- Địa chỉ trụ sở chính: Xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

- Điện thoại: 0313 850 462

- Fax: 0313 850 004

- Email: benkien@hn.vnn.vn

- Ngành nghề kinh doanh:

- + Đóng mới và sửa chữa phương tiện tải thủy, kết cấu thép.
- + Thiết kế, chế tạo và lắp đặt hàng cơ khí.
- + Xây dựng công trình dân dụng.
- + Dịch vụ hàng xuất nhập khẩu: vật tư, máy móc thiết bị, phụ tùng tàu thủy và dân dụng.
- + Dịch vụ tư vấn kỹ thuật, công nghệ, giám sát, đóng mới và sửa chữa tàu thủy
- + Vốn điều lệ: 49.594.562.448 đồng
- + Giấy phép kinh doanh số 0204000020 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 04/01/2005

Những thành tích đạt được qua các năm:

- Năm 1987: huân chương lao động hạng 3
- Năm 1996: huân chương lao động hạng 2
- Năm 2002: huân chương lao động hạng nhất
- Năm 2004: công ty được đảng và nhà nước tặng thưởng đơn vị anh hùng trong thời kỳ đổi mới.
- Được thưởng 4 cờ thi đua xuất sắc cấp bộ, thành phố, Tổng công ty.
- Là một trong 10 doanh nghiệp tiêu biểu của thành phố Hải Phòng năm 2002.
- Đảng bộ, công đoàn, đoàn thanh niên, nữ công ty liên tục nhiều năm đạt danh hiệu vững mạnh

2.1.2. Đặc điểm về sản xuất kinh doanh của Công ty

Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên với ngành nghề kinh doanh chính là đóng mới và sửa chữa các phương tiện vận tải thủy, hoạt động sản xuất theo hình thức tập trung. Công ty có thể đóng mới tàu với các tính năng kỹ thuật đảm bảo sự thuận tiện, an toàn khi vận hành, tiết kiệm nhiên liệu, mang lại hiệu quả cao cho người sử dụng.

Để đóng mới được một con tàu hoàn chỉnh, đáp ứng về yêu cầu tính năng,

chất lượng thì tại công ty việc sản xuất đều tuân theo một quy trình như sau:

- B1: Đầu tiên, thép tấm, thép hình được đưa vào phân xưởng sơ chế tôn, phun cát làm sạch sau đó sẽ phun sơn chống rỉ(tạm gọi là BTP1)
- B2: Đưa BTP1 sang phân xưởng vỏ hoặc phân xưởng ống điện, qua hệ thống máy cắt tự động công nghệ cao, máy uốn thép, máy lóc tôn ra được BTP2. Sau đó đưa BTP2 cho tổ lắp ráp thành Block hoàn chỉnh, tiếp theo đến tổ ống lắp ống vào Block đó.
- B3: Các Block tiếp tục đưa lên đầu đà lắp ghép thành hình con tàu và tiến hành sơn các lớp sơn tiếp thép(tạm gọi là BTP3)
- B4: BTP3 sau đó được lắp đặt hệ thống điện ống, điều hoà, nội thất tạm thời và tiến hành hạ thủy.
- B5: Cuối cùng là hoàn chỉnh nốt các thiết bị trên tàu, trang trí tàu và bàn giao.

2.1.3. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức của Công ty

Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng theo mô hình trực tuyến chức năng, chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới

Chức năng, nhiệm vụ của mỗi bộ phận như sau:

- Chủ tịch kiêm tổng giám đốc: Chịu trách nhiệm chung về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam và Nhà Nước. Có nhiệm vụ quản lý và điều hành, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Doanh nghiệp, bảo đảm duy trì và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ công nhân viên của Công ty.

- Phó tổng giám đốc điều hành sản xuất: Có nhiệm vụ giúp Tổng giám đốc tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất tại Công ty như: kế hoạch sửa chữa tàu, kế hoạch sản xuất kiện thép, kế hoạch phá dỡ tàu cũ, đóng mới....

- Phó Tổng Giám đốc kinh doanh: Phụ trách công tác tổ chức triển khai và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh. Trực tiếp phụ trách khâu cung ứng vật tư, thiết bị nguyên vật liệu cho quá trình sản xuất sản phẩm.

Các phòng ban chức năng:

- **Phòng tài chính- kế toán:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc về mặt quản lý

tài chính, cân đối và huy động vốn cho nhu cầu mua sắm vật tư, thiết bị đầu vào của quá trình sản xuất. Quản lý và hạch toán theo chuẩn mực kế toán và các chế độ về kế toán theo quy định hiện hành.

- **Phòng kỹ thuật cơ điện:** Quản lý lập kế hoạch bảo quản, sửa chữa thiết bị nội bộ, xây dựng các định mức cần thiết để sản xuất. Đưa ra những cải tiến về khoa học kỹ thuật vào Công ty.

- **Phòng vật tư:** Tham mưu và lập kế hoạch mua sắm vật tư, trang thiết bị máy móc phục vụ sản xuất. Tổ chức mua sắm và cấp phát vật tư cho các đơn vị sản xuất.

- **Phòng KTCN:** Phòng kỹ thuật công nghệ chịu trách nhiệm về toàn bộ công nghệ kỹ thuật tàu trước Ban Tổng Giám đốc. Có nhiệm vụ lập hạng mục bản vẽ thiết kế kỹ thuật, theo dõi giám sát trong quá trình thi công sản xuất.

- **Phòng KCS:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác xây dựng phương án, tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm. Có nhiệm vụ giám sát, nghiệm thu các sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định.

- **Phòng đầu tư xây dựng cơ bản:** Tham mưu cho Tổng Giám Đốc kế hoạch đầu tư xây dựng, mở rộng sản xuất. Quản lý hệ thống công nghệ, trang thiết bị máy móc phù hợp với yêu cầu sản xuất.

- **Phòng kinh doanh:** Có chức năng nhiệm vụ giúp Giám Đốc Công ty công tác kế hoạch về kinh tế, xã hội. Đổi mới công nghệ, đầu tư chiều sâu, mở rộng quy mô và phát triển công ty tìm thị trường.

- **Phòng sản xuất:** chịu trách nhiệm trong khâu sản xuất, sửa chữa tàu biển.

+ Khảo sát hàng hoá, dự trữ vật tư lao động.

+ Lập kế hoạch tiến độ sửa chữa cụ thể cho các đơn vị thực hiện và phân công lao động cho phù hợp với yêu cầu sản xuất.

- **Phòng cơ điện:** Quản lý kế hoạch bảo quản, sửa chữa thiết bị nội bộ, xây dựng các định mức cần thiết để sản xuất. Đưa ra những cải tiến về kỹ thuật công nghệ vào công ty.

- **Phòng lao động tiền lương:** Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Tổng Giám Đốc công ty, tham mưu cho Tổng Giám Đốc trong công tác tuyển dụng, quản lý,

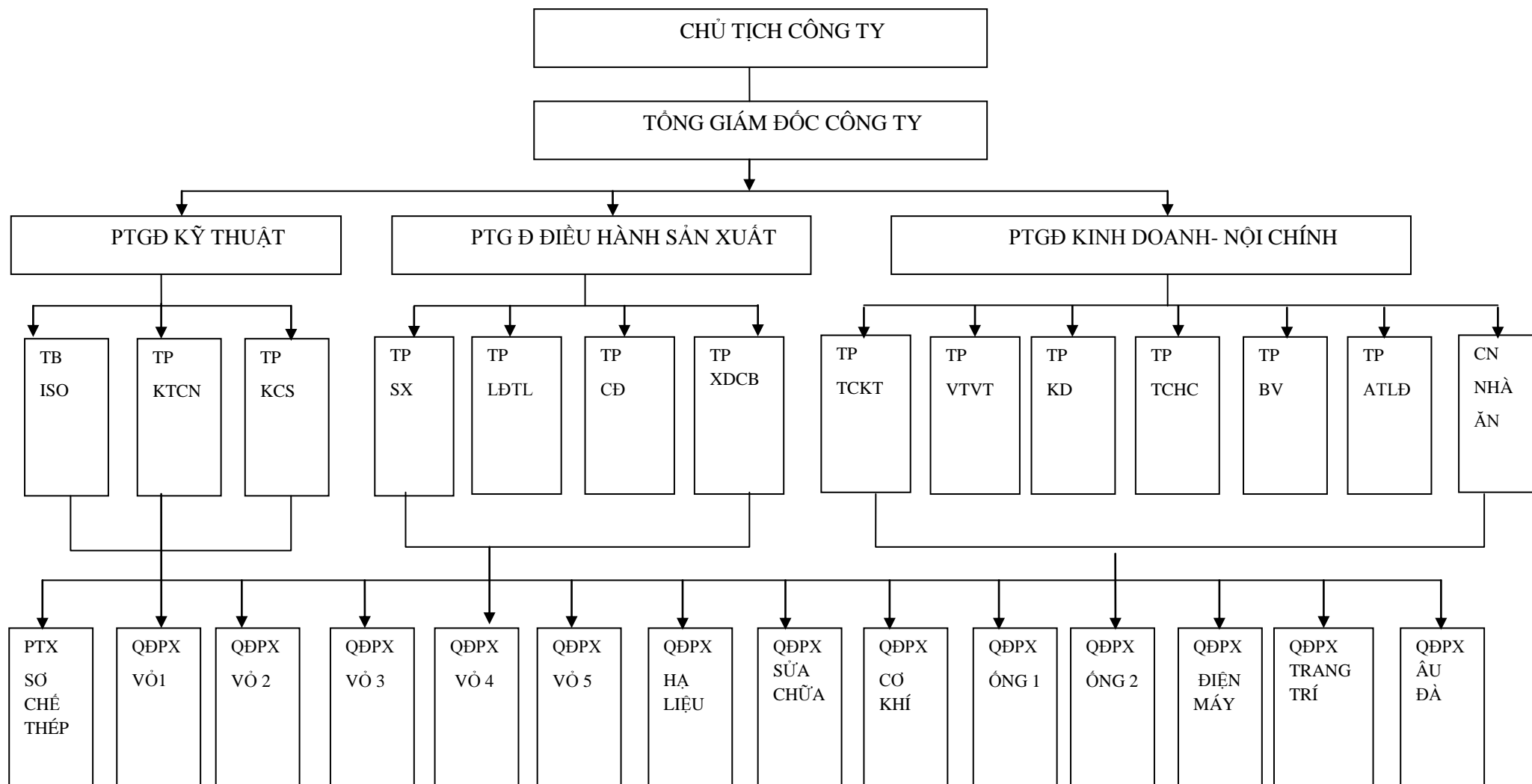
tổ chức sử dụng lao động và thực hiện chế độ tiền lương của người lao động trong công ty.

- **Phòng vật tư vận tải:** Có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các vật tư, các phương tiện vận tải để thực hiện tốt hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như cung cấp thông tin cho Ban lãnh đạo.

- **Phòng bảo vệ:** Đảm bảo công tác an toàn tài sản, an toàn cho công ty.

- **Phân xưởng sản xuất:** sản xuất theo kế hoạch được giao, đảm bảo đúng số lượng, chất lượng và thời gian phân công công việc tới các tổ quản lý nhân sự các tổ sản xuất. Căn cứ vào kế hoạch sản xuất được giao, cân đối thiết bị, nguyên vật liệu, khuôn mẫu, bản vẽ. Đảm bảo máy móc thiết bị để phát huy hết công suất, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng.

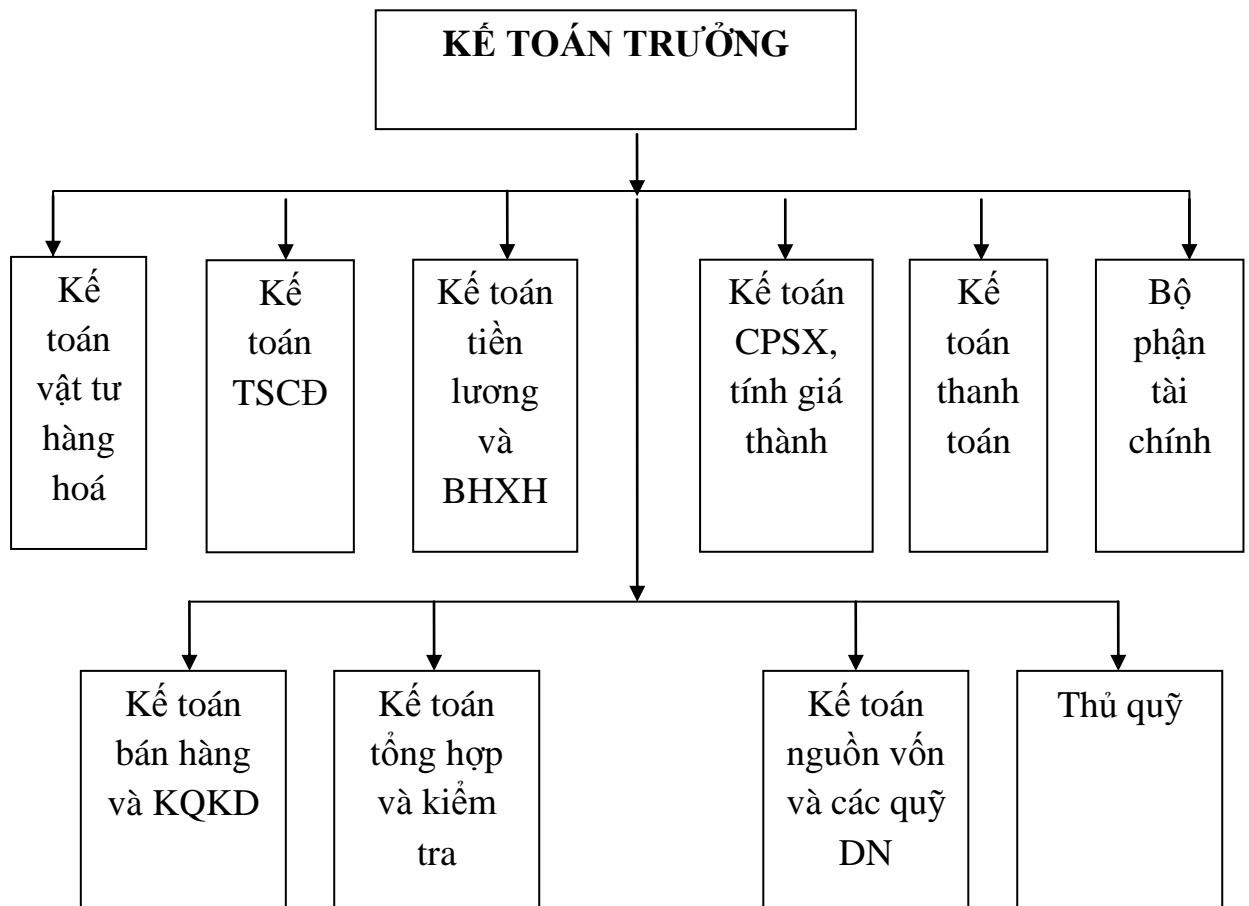
Biểu số 2.1: Mô hình cơ cấu tổ chức của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên



2.1.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Các nghiệp vụ kế toán chính phát sinh được tập trung ở phòng kế toán của công ty, thuộc dãy nhà văn phòng. Tại đây thực hiện việc tổ chức hướng dẫn và kiểm tra thực hiện toàn bộ phương pháp thu thập xử lý thông tin ban đầu, thực hiện đầy đủ chiến lược ghi chép ban đầu, chế độ hạch toán và chế độ quản lý tài chính theo đúng quy định của Bộ tài chính, cung cấp một cách đầy đủ chính xác kịp thời những thông tin toàn cảnh về tình hình tài chính của công ty. Từ đó tham mưu cho Tổng Giám đốc để đề ra biện pháp các quy định phù hợp với đường lối phát triển của công ty.

Biểu số 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên



Mô tả công việc của phòng kế toán:

• **Kế toán trưởng (kiêm chức trưởng phòng)** : Là người có quyền và trách nhiệm cao nhất trong phòng kế toán tài chính, là người xây dựng các kế hoạch tài chính cho Công ty, kiểm tra tình hình hạch toán, kiểm tra tình hình tài chính về vốn và huy động vốn. Trưởng phòng kế toán có trách nhiệm tổ chức sử dụng vốn có hiệu quả, khai thác khả năng tiềm tàng của tài sản, cung cấp các thông tin về tình hình tài chính một cách thật chính xác, kịp thời và toàn diện.

• **Bộ phận kế toán tổng hợp và kiểm tra**: Phó phòng kế toán tài chính là người chịu trách nhiệm thực hiện kế toán tổng hợp và cùng với Trưởng phòng kế toán kiểm tra tình hình hạch toán, tình hình tài chính của Công ty. Phó phòng kế toán là người ghi sổ cái, lên bảng cân đối số phát sinh và lập báo cáo kế toán.

• **Bộ phận kế toán thanh toán và tiền lương**: Là người phân bổ các chi phí về tiền lương, bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn cho các đối tượng, theo dõi công nợ và thanh toán với khách hàng.

• **Bộ phận kế toán vật tư hàng hoá**: Theo dõi tình hình nhập xuất tồn vật tư hàng hoá trong kỳ hạch toán, tính giá nhập xuất tồn của vật tư, hàng hoá để ghi vào các chứng từ, sổ sách có liên quan. Hướng dẫn, kiểm tra, đối chiếu với thủ kho về tình hình xuất nhập tồn vật tư, hàng hoá.

• **Bộ phận kế toán tài sản cố định(TSCĐ)**: Theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ, ghi chép phản ánh chính xác số hiện có và tình hình biến động của từng loại TSCĐ. Tính toán chính xác giá trị hao mòn của TSCĐ đồng thời tính toán phân bổ chi phí khấu hao một cách khoa học và hợp lý.

• **Bộ phận kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**: Tiến hành tập hợp các chi phí sản xuất từ các bộ phận kế toán có liên quan, phân bổ các chi phí cho từng đối tượng sử dụng, tính giá thành từng loại sản phẩm và xác định chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí quản lý cuối kỳ, theo dõi tình hình nhập xuất kho thành phẩm, tính giá thành sản phẩm xuất kho để ghi chép vào chứng từ, sổ sách có liên quan.

• **Bộ phận kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh**: Tập hợp chi phí bán hàng phát sinh, xác định doanh thu bán hàng, từ đó xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

• **Bộ phận kế toán nguồn vốn và các quỹ doanh nghiệp:** Theo dõi tình hình biến động nguồn vốn và các quỹ doanh nghiệp. Từ đó có kế hoạch phân bổ nguồn vốn và hoạt động đầu tư của Công ty cho hợp lý.

Tổ chức bộ máy theo hình thức này có một số thuận lợi đối với Công ty:

+ Bảo đảm được sự lãnh đạo tập trung, thống nhất đối với công tác kế toán, kiểm tra xử lý và cung cấp thông tin kế toán một cách kịp thời.

+ Việc phân công công việc và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên kế toán thực hiện được dễ dàng, việc ứng dụng xử lý thông tin trên máy tính thuận lợi.

Tuy nhiên, Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức này cũng có những hạn chế nhất định do tạo ra khoảng cách về không gian và thời gian giữa nơi phát sinh thông tin và nơi nhận thông tin, xử lý thông tin, từ đó ảnh hưởng tới việc kiểm tra, giám sát của kế toán, đến công tác chỉ đạo các hoạt động ở các bộ phận này.

2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

2.2.1. Chính sách kế toán chung tại Công ty

Những nguyên tắc và chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Niên độ kế toán đang áp dụng: Công ty bắt đầu niên độ kế toán từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VN đồng

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Tính theo giá gốc và áp dụng phương pháp khấu trừ VAT

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Riêng với hàng nhập khẩu tính theo phương pháp thực tế đích danh

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

- Về Tài sản cố định, Công ty trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

2.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán

2.2.2.1. Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán

Công ty áp dụng chứng từ, tài khoản ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính.

Ngoài những chứng từ mang tính chất bắt buộc như: phiếu thu, phiếu chi, hoá đơn bán hàng, Công ty còn sử dụng những chứng từ mang tính hướng dẫn như: bảng chiết tính vật tư, giấy đề nghị thanh toán, giấy thanh toán tiền tạm ứng, biên bản nghiệm thu hợp đồng, phiếu nhập kho, phiếu xuất kho.

2.2.2.2. Hình thức sổ kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

** Hình thức sổ kế toán*

Do tính chất hoạt động cũng như đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty là rất phức tạp, khối lượng công việc lớn, cùng với việc chuyên môn hoá trong công tác kế toán cao nên Công ty đã áp dụng hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.

** Quy trình hạch toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ như sau:*

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký-chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của bảng phân bổ ghi vào các Bảng kê và Nhật ký-chứng từ có liên quan

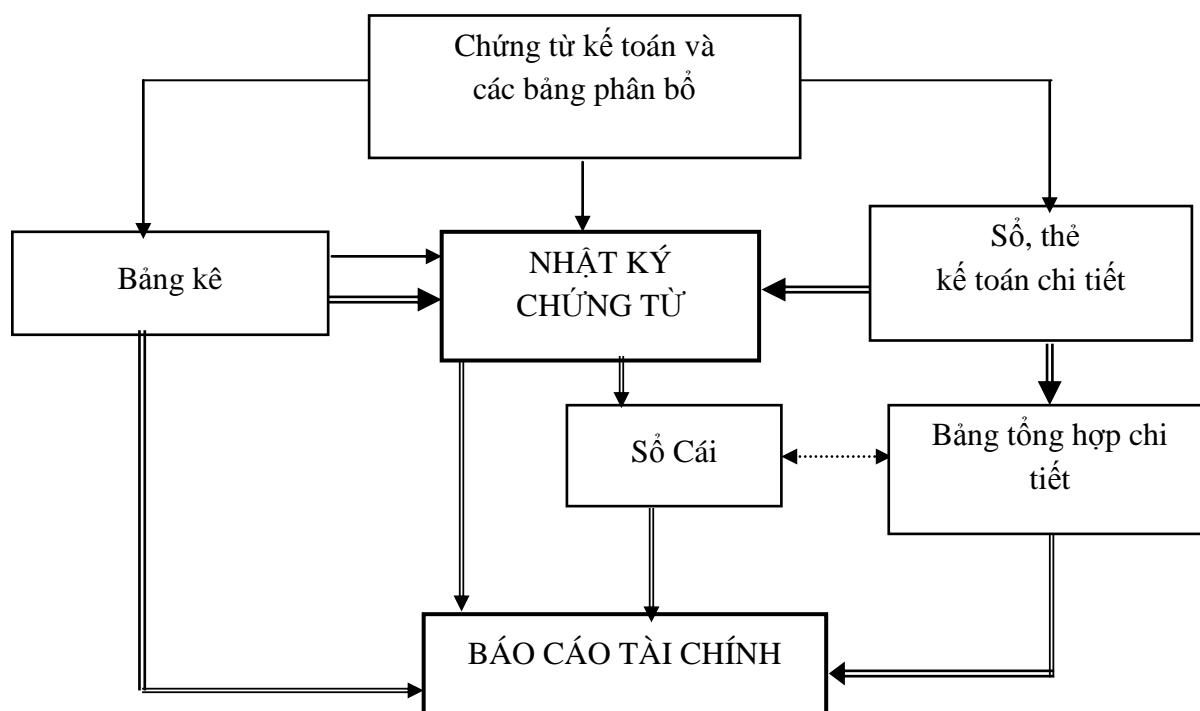
- Cuối tháng khoá sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký-chứng từ, kiểm tra, đối chiếu số liệu trên các Nhật ký-chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký-chứng từ ghi trực tiếp vào Sổ Cái

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ, thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các Bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với Sổ Cái

Số liệu tổng cộng ở Sổ Cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký-Chứng

từ, Bảng kê và các Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính

Biểu số 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

Kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ các sổ kế toán được phản ánh các nội dung sau:

- Sổ Nhật ký chứng từ (NKCT): NKCT được mở hàng tháng cho một hoặc một số tài khoản có nội dung kinh tế giống nhau và có liên quan với nhau theo yêu cầu quản lý. NKCT được mở theo sổ phát sinh bên Có của tài khoản đối với bên nợ các tài khoản liên quan.

- Sổ cái: Mở cho từng tài khoản tổng hợp và cho cả năm, chi tiết cho từng tháng bao gồm số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ.

- Bảng kê: Được sử dụng cho các đối tượng cần bổ sung, chi tiết như bảng kê ghi nợ TK111, 112,.. Trên cơ sở các số liệu phản ánh ở bảng kê, cuối tháng ghi vào nhật ký chứng từ có liên quan.

- Bảng phân bổ: Sử dụng các khoản chi phí phát sinh thường xuyên có liên quan đến nhiều đối tượng cần phân bổ như tiền lương, vật liệu, khấu hao.
- Sổ chi tiết: Dùng để theo dõi đối tượng hạch toán cần hạch toán chi tiết.

2.2.2.3. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của công ty được lập theo mẫu quy định của Bộ tài chính. Cuối mỗi quý, kế toán tổng hợp tiến hành lập các báo cáo tài chính, bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 03 – DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 09 – DN)

2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY

2.3.1. Thực trạng tổ chức hạch toán doanh thu tại Công ty

2.3.1.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại Công ty

Khách hàng gửi đến Công ty bảng kê các hạng mục phải sửa chữa cho một con tàu cụ thể. Có yêu cầu về thời gian, chủng loại vật tư thiết bị yêu cầu phải lập hồ sơ dự thầu gửi cho khách hàng.

Công ty ký hợp đồng với khách hàng đồng thời là phát sinh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, khách hàng chấp nhận mua hàng và thanh toán. Sau khi quyết toán sửa chữa, được chủ tàu và nhà máy ký xác nhận, phòng kinh doanh lập hồ sơ quyết toán sửa chữa tàu gồm:

- Hợp đồng sửa chữa kèm theo dự toán
- Biên bản nhiệm vụ bàn giao sản phẩm, giấy bảo hành
- Giấy xác nhận đảm bảo thanh toán của Ngân hàng phục vụ chủ tàu
- Quyết toán sửa chữa và chuyển cho phòng tài chính kế toán.

Phòng tài chính kế toán có nhiệm vụ tiếp nhận hoá đơn sửa chữa nghiên cứu kỹ điều khoản thanh toán để tạm ứng tiền của chủ tàu phục vụ cho việc mua vật tư thiết bị cho sửa chữa. Khi nhận được hồ sơ quyết toán thì lập hoá đơn gửi cho khách hàng và đôn đốc thu tiền theo điều khoản thanh toán khách hàng đã cam kết.

2.3.2.2. Thực trạng hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty

Doanh thu bán hàng của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hoá và doanh thu cung cấp dịch vụ

** Tài khoản sử dụng:*

- Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 512: Doanh thu nội bộ: Công ty không sử dụng tài khoản doanh thu nội bộ

Công ty sử dụng hoá đơn GTGT do Bộ tài chính phát hành:

Hoá đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- Liên 1: Liên gốc, lưu tại phòng kế toán
- Liên 2: Giao cho khách hàng
- Liên 3: Dùng để hạch toán nghiệp vụ bán hàng

Kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT để làm căn cứ ghi sổ kế toán

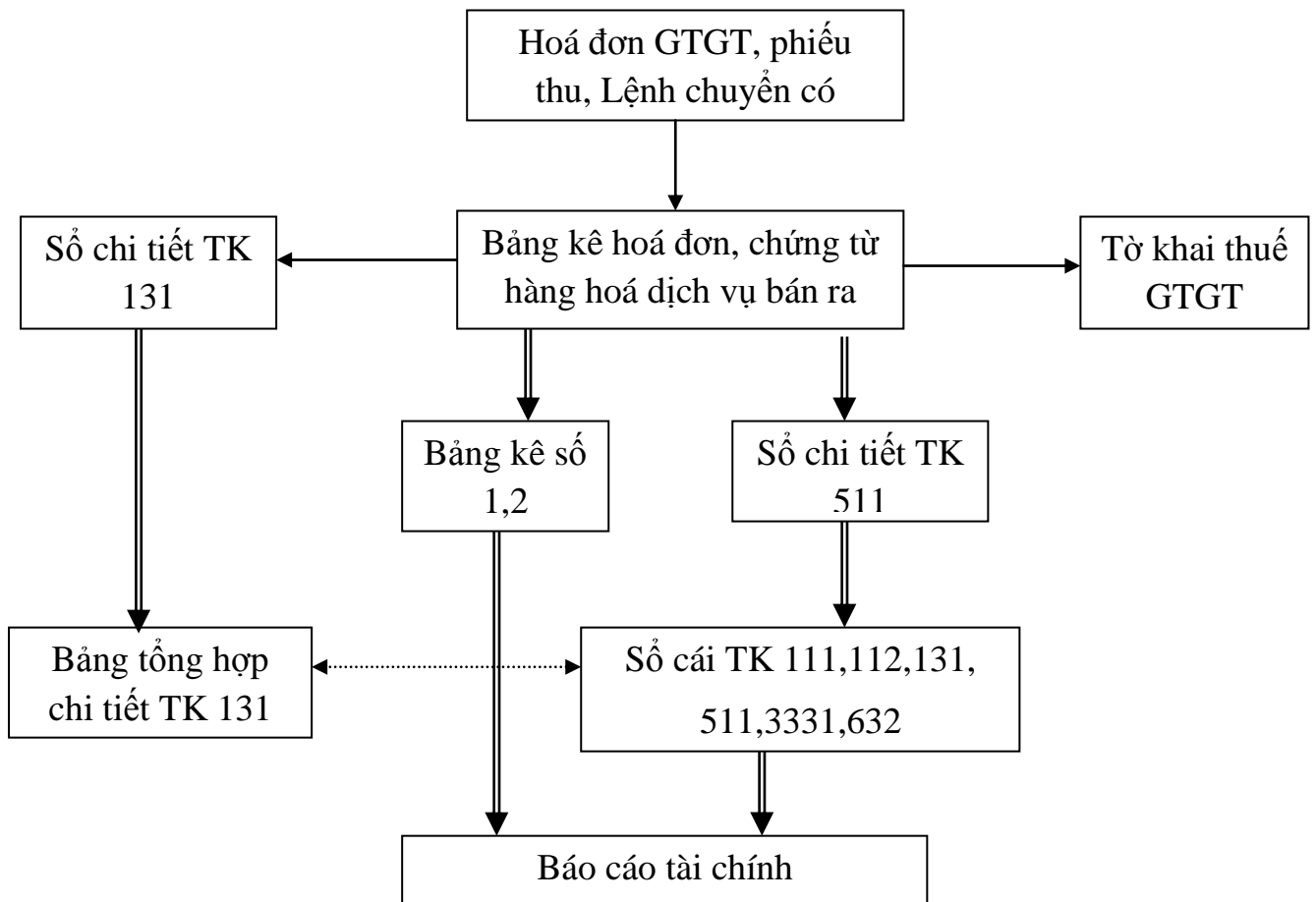
** Sổ kế toán sử dụng:*

- Các chứng từ thanh toán (phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán,...)
- Sổ chi tiết bán hàng
- Sổ chi tiết TK 511
- Bảng kê có liên quan (Bảng kê số 1, Bảng kê số 2)
- Sổ cái TK 511, 3331, 131, 111, 112,...

** Quy trình hạch toán kế toán doanh thu*

- Hàng ngày, kế toán doanh thu căn cứ vào chứng từ gốc như: Hoá đơn GTGT, phiếu thu,... kế toán lập bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra
- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào các bảng kê hoá đơn hàng hoá dịch vụ bán ra để lập sổ chi tiết TK 131, sổ chi tiết TK 511, tờ khai thuế, bảng tổng hợp chi tiết TK 131. Từ các sổ chi tiết, kế toán trưởng lập bảng kê số 1, 2...
- Tổng hợp từ các Bảng kê, sổ chi tiết, kế toán trưởng lập Sổ cái các TK 111, 112, 131, 511, 632 và căn cứ vào tờ khai thuế để vào Sổ cái TK 333
- Căn cứ vào các sổ sách trên, cuối kỳ kế toán trưởng tiến hành đối chiếu và lập Báo cáo tài chính.

Biểu số 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu



Ví dụ 1:

Ngày 12/05/2009, Công ty ký hợp đồng sửa chữa tàu với công ty CP Hàng Hải Hà Nội về sửa chữa tàu 3300DWT số 2. Ngày 12/12/2009, Công ty tiến hành bàn giao tàu cho khách hàng, khách hàng chưa thanh toán.

- Sau khi công việc sửa chữa hoàn thành, Công ty bàn giao tàu cho khách hàng, phòng kế toán tiến hành xuất hoá đơn GTGT.

Biểu số 2.5. Hoá đơn GTGT

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT- 3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		ML/2009B			
Liên 3: Nội Bộ		0018456			
Ngày 12 tháng 12 năm 2009					
Đơn vị bán hàng: .C.ty TNHHNN 1TV CNTT Bến Kiên.					
Địa chỉ: Xã An Hồng-An Dương- Hải Phòng.....					
Số tài khoản:					
Điện thoại.....MS.....					
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty CP Hàng Hải Hà Nội					
Địa chỉ: Số 1, Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội					
Số tài khoản.....					
Hình thức thanh toán: chưa thanh toán MS: 0100793715					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
	Sửa chữa tàu 3300DWT số 02				244.350.000
Cộng tiền hàng:					244.350.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		24.435.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					268.785.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Hai trăm sáu mươi tám triệu, bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn./.</i>					
Người mua hàng		Người bán hàng		Thủ trưởng đơn vị	
(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, ghi rõ họ tên)		(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

- Từ hoá đơn GTGT số 00118456 kế toán tiến hành định khoản:

Nợ TK 131: 268.785.000 (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511: 244.350.000 (Doanh thu sửa chữa tàu) (I)

Có TK 3331: 24.435.000 (VAT 10%)

+ Số tiền trên TK 131 sẽ được tổng hợp để đưa vào sổ chi tiết phải thu khách hàng

+ Số tiền trên TK 511 sẽ được ghi vào sổ chi tiết TK 511

+ Số tiền trên TK 3331 sẽ được ghi vào bảng kê hàng hoá dịch vụ bán ra

- Từ hoá đơn trên, cuối tháng kế toán định khoản ghi chép vào sổ chi tiết bán hàng .

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

- Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng, kế toán vào sổ chi tiết cho TK 511 như sau:
- + Cột ngày tháng ghi sổ được căn cứ trên ngày tháng ghi trên hoá đơn GTGT
- + Số hiệu của chứng từ được lấy trên số hoá đơn GTGT
- + Diễn giải ghi tóm tắt nội dung của hoá đơn
- + Số tiền phát sinh bên Có TK 511 căn cứ vào tiền hàng trên Hoá đơn GTGT (Doanh thu chưa có thuế GTGT)
- + Và căn cứ từ sổ chi tiết TK 511 kế toán vào sổ cái TK 511 và lập báo cáo kết quả kinh doanh cuối kỳ

Biểu số 2.6: Sổ chi tiết TK 511

SỔ CHI TIẾT								
TK 511 Tháng 12 năm 2009								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				0	0
			Số phát sinh trong kỳ					
.....								
12/12	0018456	12/12	Sửa chữa tàu 3300DWT số 02	131		244.350.000		
.....								
31/12		31/12	Kết chuyển DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	577.818.275.447			
			Cộng số phát sinh		577.818.275.447	577.818.275.477		
			Số dư cuối kỳ				0	0

- Dựa vào sổ chi tiết TK 511 và định khoản (I), kế toán ghi chép vào sổ cái TK 511

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN : 511” DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Dư đầu kỳ: Dư Nợ:

Dư đầu kỳ: Dư Có:

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911		20.550.000	2.313.125.715	577.818.275.447	598.856.563.050
Phát sinh Nợ		20.550.000	2.313.125.715	577.818.275.447	598.856.563.050
Phát sinh Có		20.550.000	2.313.125.715	577.818.275.447	598.856.563.050
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511

2.3.2. Hạch toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của Công ty được tính theo phương pháp cộng chi phí. Chi phí để tính giá thành của Công ty bao gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- Chi phí nhân công trực tiếp
- Chi phí sản xuất chung

Khi Công ty hoàn thành công việc sửa chữa hoặc đóng mới các con tàu, các hạng mục công trình theo yêu cầu của khách hàng. Các tàu đã đóng mới hoặc sửa chữa hoàn thành, Công ty sẽ tiến hành bàn giao cho chủ tàu hoặc xuất bán. Phòng kế toán sẽ viết hoá đơn GTGT rồi đưa xuống xưởng để tiến hành bàn giao tàu. Tất cả các chi phí tập hợp được sẽ kết chuyển trực tiếp sang TK 632.

Theo ví dụ 1 ở trên, ta sẽ tiến hành xác định giá vốn hàng bán của tàu 3300DWT số 02.

Trong kỳ các kế toán tiến hành tập hợp tất cả các chi phí liên quan đến quá trình sửa chữa tàu 3300DWT số 02 như chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lấy từ Bảng phân bổ nguyên vật liệu; chi phí nhân công trực tiếp được lấy từ Bảng thanh toán lương hay Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội; chi phí sản xuất chung lấy từ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội, Bảng phân bổ nguyên vật liệu, Bảng phân bổ khấu hao. Sau đó, kế toán làm nhiệm vụ tính giá thành sẽ tập hợp lại để tính ra giá thành của tàu.

Các sổ bao gồm:

- Thẻ tính giá thành sản phẩm và dịch vụ
- Bảng tính giá thành sản phẩm và dịch vụ
- Sổ cái TK 632

Trước tiên, để tính giá vốn kế toán tập hợp hết tất cả chi phí trực tiếp bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung rồi vào thẻ tính giá thành sản phẩm dịch vụ. Từ thẻ tính giá thành là cơ sở để kế toán lập bảng giá thành sản phẩm và dịch vụ.

Từ thẻ tính giá thành riêng lẻ cho từng con tàu, kế toán tổng hợp lại để vào bảng tính giá thành. Dựa vào bảng tính giá thành kế toán vào sổ cái TK 632

**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG**

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN : 632” GIÁ VỐN HÀNG BÁN”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
138				4.096.257	4.096.257
154		12.946.541	1.850.410.133	475.383.640.725	494.048.172.629
157				64.826.372	83.058.957
....					
Phát sinh Nợ		12.946.541	1.850.410.133	475.452.563.354	494.135.327.843
Phát sinh Có		12.946.541	1.850.410.133	475.452.563.354	494.135.327.843
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8: Sổ cái TK 632

2.3.3. Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí QLDN chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty. Chi phí QLDN bao gồm chi phí về lương nhân viên bộ phận QLDN(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn của nhân viên QLDN, chi phí vật liệu văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận QLDN, dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản,...); Chi phí bằng tiền khác(Tiếp khách, hội nghị khách hàng...). Chi phí QLDN được tập hợp hết theo tháng rồi tiến hành kết chuyển vào cuối mỗi tháng. Và chi phí QLDN được phân bổ theo tiêu thức chi phí nhân công trực tiếp.

* *Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu chi, hoá đơn GTGT
- Bảng tính và phân bổ khấu hao, Bảng phân bổ lương và BHXH

* *Sổ kế toán sử dụng:*

- Bảng kê số 5, Sổ cái TK 642

* *Quy trình hạch toán:*

Từ các chứng từ như: Hoá đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi,kế toán tiến hành vào Bảng kê số 5. Cuối tháng, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ, bảng kê có liên quan, kế toán sẽ vào Sổ cái TK 642

Ví dụ 2:

Ngày 25/12/2009, chị Trần Thị Thu Hà thanh toán tiền mực in phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp cho công ty văn phòng phẩm Hồng Hà.

Từ các chứng từ như: Hoá đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, phiếu chi...kế toán tiến hành vào Bảng kê số 5. Cuối tháng, căn cứ vào các hoá đơn, chứng từ, Bảng kê có liên quan, kế toán sẽ vào Sổ cái TK 642

Biểu số 2.9: Giấy đề nghị thanh toán

TẬP ĐOÀN CN TÀU THUỶ VIỆT NAM
CÔNG TY CN TÀU THUỶ BẾN KIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi : - **Giám đốc Công ty**

- **Phòng Kinh tế - Tài chính**

Tên tôi là : **Trần Thị Thu Hà**

Đơn vị công tác : **Phòng Vật tư vận tải**

NỘI DUNG XIN ĐƯỢC THANH TOÁN

**Thanh toán tiền mực in phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp cho công ty
văn phòng phẩm Hồng Hà (có chứng từ kèm theo)**

SỐ TIỀN : - Bằng số: 3.450.000 đ

- **Bằng chữ :Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.**

Tôi xin cam đoan nội dung thanh toán trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu
trách nhiệm trước pháp luật.

HP, ngày 25 tháng 12 năm 2009

DUYỆT GIÁM ĐỐC

PHỤ TRÁCH ĐƠN VỊ

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

- Sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán, kế toán viết phiếu chi cho chị Hà

Biểu số 2.10: Phiếu chi

Đơn vị:....

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ:....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI Số 2017

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Nợ TK 6423

Có TK 1111

Quyển số.....

Họ và tên người nhận tiền : Trần Thị Thu Hà

Địa chỉ: Phòng Vật tư vận tải

Lý do chi: Thanh toán tiền mục in phục vụ bộ phận quản lý doanh nghiệp cho công ty văn phòng phẩm Hồng Hà

Số tiền: 3.450.000 đ (Viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.

Kèm theochứng từ gốc

Đã nhận đủ tiền: 3.450.000 đ

Ngày 25 tháng 12 năm 2009

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Thủ quỹ	Người nhận tiền
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

- Kế toán định khoản:

Nợ TK 6423: 3.450.000 (II)

Có TK 111: 3.450.000

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 642”CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
1111		96.302.302	1.484.005.400	280.273.162	2.931.138.612
112					
152					
334		751.439.253	790.026.936	845.294.914	8.144.419.160
....					
Phát sinh Nợ		6.418.932.481	16.426.230.733	7.625.650.708	94.521.910.638
Phát sinh Có		6.418.932.481	16.426.230.733	7.625.650.708	94.521.910.638
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.11: Sổ cái TK 642

2.3.4. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là tài khoản phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty công nghiệp tàu thủy Bến Kiên gồm:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ trên cơ sở chứng từ thực tế.
- Cổ tức được chia được ghi nhận trên cơ sở tỷ lệ vốn góp và lợi nhuận được chia.

** Để hạch toán doanh thu, Công ty sử dụng*

TK 515- Doanh thu hoạt động tài chính

** Chứng từ, sổ sách sử dụng trong hạch toán doanh thu hoạt động tài chính*

- Giấy báo có của Ngân hàng
- Sổ Cái TK 515
- Các chứng từ sổ sách liên quan khác....

Cuối kỳ kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Ví dụ 3:

Ngày 28/12/2009 Ngân hàng TMCP Hàng Hải gửi Giấy báo có cho Công ty về lãi tiền gửi của Công ty với số tiền 1.578.983 đồng.

- Kế toán nhận Giấy báo có của Ngân hàng.

Biểu số 2.12: Giấy báo có

Maritime Bank

Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Số 9A-Nguyễn Tri Phương-Hải Phòng

Taxcode:02-00124891-009

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 28 tháng 12 năm 2009 Số: 1965

Số chứng từ: 020.1681.4036 Ngày giờ nhận: ĐÃ HẠCH TOÁN

Số chuyển tiền: 414967040303542

Note

Ngân hàng TMCP Hàng Hải

Người nhận tiền: Công ty TNHH NN MTV CNTT Bến Kiên

Số tài khoản: 101010000215534

Số CMT:

Địa chỉ: Xã An Hồng – An Dương - Hải Phòng

Số tiền: VND 1.578.983

Một triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn, chín trăm tám mươi ba đồng./.

Nội dung: Trả lãi tiền gửi cho Công ty TNHH NN MTV CNTT Bến Kiên

Mã VAT Ngân hàng: 01001124370131

Mã VAT khách hàng: 02 0015341 2

Giao dịch viên

Liên 1

Phòng nghiệp vụ

- Từ giấy báo có, kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 1.578.983 (III)

 Có TK 515: 1.578.983

- Căn cứ vào giấy báo có và định khoản (III), kế toán vào sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 515”DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911		17.282.197	23.737.642	3.677.127.955	5.988.627.458
Phát sinh Nợ		17.282.197	23.737.642	3.677.127.955	5.988.627.458
Phát sinh Có		17.282.197	23.737.642	3.677.127.955	5.988.627.458
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 515

2.3.5. Hạch toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính như chi phí cho vay và đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

* *Chứng từ sử dụng:*

- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Sổ Cái TK 635
- Các chứng từ sổ sách có liên quan khác...

Cuối kỳ kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

Ví dụ 4:

Ngày 25/12/2009, Ngân hàng TMCP Quân Đội gửi Giấy báo nợ cho Công ty về lãi tiền vay của Công ty với số tiền 1.426.373 đồng

- Kế toán nhận Giấy báo nợ của Ngân hàng

Biểu số 2.14: Giấy báo nợ

Ngân hàng TMCP Quân Đội
Số 2B-Lạch Tray-Ngô Quyền-Hải Phòng
Taxcode: 02-00124891-009

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 25/12/2009 Số 15

Số chứng từ: 020.2531.2369 Ngày giờ nhận: ĐÃ HẠCH TOÁN

Số chuyển tiền: 483907040703148

Note

Ngân hàng TMCP Quân Đội
Người trả tiền: Công ty TNHH NN MTV CNTT Bến Kiên
Số tài khoản: 1010000215453

Số CMT

Địa chỉ: Xã An Hồng-An Dương-Hải Phòng

Số tiền: VND 1.426.373

Một triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm bảy mươi ba đồng./.

Nội dung: Thu lãi tiền vay của Công ty TNHH NN MTV CNTT Bến Kiên

Tháng 12/2009

Mã VAT Ngân hàng: 01001224317254

Mã VAT khách hàng: 02 0015341 2

Giao dịch viên Liên 1 Phòng nghiệp vụ

Căn cứ vào giấy báo nợ, kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 1.426.373 (IV)

Có TK 112: 1.426.373

Căn cứ vào giấy báo nợ và định khoản (IV), kế toán ghi chép vào sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 635”CHI PHÍ TÀI CHÍNH”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
335		0	0	17.267.627.522	17.267.627.522
242		0	0	76.444.964.332	76.444.964.332
Phát sinh Nợ		0	0	93.712.591.864	93.712.591.864
Phát sinh Có		0	0	93.712.591.864	93.712.591.864
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15 : Sổ cái TK 635

2.3.6. Hạch toán thu nhập khác

Thu nhập khác là khoản thu nhập khác ngoài doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty CNTT Bến Kiên bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ
- Thu nhập từ quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Để hạch toán các khoản thu nhập khác: Công ty sử dụng TK 711 – Thu nhập khác

** Quy trình hạch toán:*

Từ các chứng từ như: Hoá đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, phiếu thu,...kế toán tiến hành vào

Ví dụ 5:

Ngày 29/12/2009, Công ty thu tiền phạt 1.250.000 đồng của anh Bùi Xuân Trường do để mất cấp tôn.

- Kế toán viết phiếu thu

Biểu số 2.16: Phiếu thu

Đơn vị: CTY TNHHNN MTV BẾN KIỀN	Mẫu số 01 – TT Liên 1			
Địa chỉ: An Hồng- An Dương- Hải Phòng	Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC			
Mã số thuế: 02 00153412	Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC			
Telefax: (84-0313) 850004				
PHIẾU THU				
Ngày 29 tháng 12 năm 2009	Số CT 134			
	TK ghi nợ 1111			
	TK ghi có 711			
Người nộp tiền: Bùi Xuân Trường				
Địa chỉ: Tổ bảo vệ				
Lý do: Nộp tiền phạt do để mất cấp tôn				
Số tiền: 1.250.000 đ				
Bằng chữ Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn./.				
Kèm theo.....chứng từ gốc				
Đã nhận đủ tiền: 1.250.000 đồng				
<i>Ngày 29 tháng 12 năm 2009</i>				
Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập phiếu	Người nộp	Thủ quỹ
(ký, họ tên)	(ký, họ tên)	(ký, tên)	(ký, tên)	(ký, họ tên)

- Căn cứ vào phiếu thu, kế toán định khoản:

Nợ TK 111: 1.250.000 (V)

Có TK 711: 1.250.000

**CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG**

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 711”THU NHẬP KHÁC”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
911		0	0	91.866.372	131.432.593
Phát sinh Nợ		0	0	91.866.372	131.432.593
Phát sinh Có		0	0	91.866.372	131.432.593
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái TK 711

2.3.7. Hạch toán chi phí khác

Chi phí khác là các chi phí cho các hoạt động khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là các khoản chi phí (lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Để hạch toán chi phí khác, Công ty sử dụng TK 811 – chi phí khác

* Chi phí khác của Công ty bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Các khoản chi phí khác.

* *Chi phí thuế TNDN*

Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính.

* *Sổ sách, chứng từ kế toán sử dụng:*

- Nhật ký chứng từ số 10
- Sổ Cái TK 811, 821
- Các chứng từ sổ sách khác có liên quan...

Ví dụ 6:

Ngày 24/12/2009, Công ty thanh lý máy sọc răng, nguyên giá : 278.000.000đ;
khấu hao: 260.625.000đ.

- Căn cứ vào quyết định thanh lý của Tổng giám đốc và biên bản đánh giá lại tài sản của Hội đồng thanh lý tài sản như sau

Biểu số 2.18: Quyết định

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

TẬP ĐOÀN CN TÀU THUYẾT VIỆT NAM
CT TNHH MTV CNTT BẾN KIẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QĐ số 189/TTBK-TCKT-TSCĐ

Hải phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN CÔNG

NGHIỆP TÀU THUYẾT BẾN KIẾN

- Căn cứ vào Quyết định số 150/2004/QĐ-TT ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Thủ tướng Chính Phủ về việc chuyển Nhà máy Đóng tàu Bến Kiên thuộc Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên.

- Căn cứ vào Quyết định của Bộ trưởng Bộ tài chính về ban hành chế độ sử dụng, quản lý và trích khấu hao TSCĐ số 206/2003/QĐ – BTC ngày 12/12/2003.

- Căn cứ vào HĐ số 31VFL-BK/2009 ngày 23/11/2009 giữa Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính CNTT và Công ty TNHH NN MTV CNTT Bến Kiên v/v mua và cho thuê lại một máy 01 máy sọc răng.

- Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thanh lý tài sản sau:

Bảng kê chi tiết đính kèm

Đơn vị mua: Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính CNTT

Nguyên giá: **278.000.000 đ**

Giá trị hao mòn: **260.625.000 đ**

Giá trị còn lại: **17.375.000 đ**

Điều 2: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Cơ Điện, Phân xưởng Cơ Khí làm biên bản kiểm tra và thanh lý theo đúng quy định quản lý TSCĐ của Công ty.

Điều 3: Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Cơ Điện, Phân xưởng Cơ Khí và các đơn vị, cá nhân có liên quan chiếu theo Quyết định thi hành.

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Nơi gửi: - Các đơn vị có liên quan

- Lưu TCKT

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009
TÀI KHOẢN: 811”CHI PHÍ KHÁC”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
111		0	0	8.111.491	10.892.782
112		0	1.028.300		297.494.307
632		0	0	79.501.492	98.083.886
242		0	0	2.630.989	4.124.343
....					
Phát sinh Nợ		0	1.028.300	90.243.972	410.595.318
Phát sinh Có		0	1.028.300	90.243.972	410.595.318
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.19: Sổ Cái TK 811

2.3.8. Xác định kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh là việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Kết quả hoạt động tài chính
- Kết quả hoạt động khác

** Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng TK 911*

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

** Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các TK từ đầu 5 đến đầu 8 để xác định kết quả kinh doanh:*

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính
- Kết chuyển chi phí tài chính
- Kết chuyển chi phí bán hàng
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kết chuyển thu nhập khác
- Kết chuyển chi phí khác
- Kết chuyển thuế thu nhập doanh nghiệp
- Xác định lãi, lỗ

Kế toán căn cứ vào số liệu đã được tổng hợp ở các sổ để xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Năm 2009, Công ty không phát sinh bất kỳ một khoản giảm trừ nào nên doanh thu thuần chính bằng tổng doanh thu cung cấp dịch vụ. Sau khi tổng hợp và đối chiếu số liệu từ các chứng từ, sổ sách như: Bảng kê số 5, sổ cái TK 511, 632, 635, 642... kế toán thực hiện bút toán kết chuyển để xác định kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp dịch vụ vào ngày cuối cùng của từng quý và khoá sổ vào năm cuối.

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀN
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 911”XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	...	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
242.2		6.575.959	426.938.806	8.787.864.812	10.826.927.777
421		13.182.982	42.110.005	2.614.765.504	4.320.113.016
632		12.946.541	1.850.410.133	475.364.950.371	494.026.351.175
811			1.028.300	90.243.972	410.595.318
8211		5.126.715	16.376.113	1.016.853.251	1.680.043.951
635				93.712.591.864	93.712.591.864
Phát sinh Nợ		37.832.197	2.336.863.357	581.587.269.774	604.976.623.101
Phát sinh Có		37.832.197	2.336.863.357	581.587.269.774	604.976.623.101
Dư Nợ					
Dư Có					

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Số liệu trên TK 911 dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MTV CNTT BẾN KIỀM
XÃ AN HỒNG – AN DƯƠNG - HẢI PHÒNG

SỔ CÁI NĂM 2009

TÀI KHOẢN: 421”LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI”

Dư đầu kỳ: Dư Nợ

Dư đầu kỳ: Dư Có

Ghi Có các TK, đối ứng Nợ với TK này	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Cộng
3334					247.805.424
414				1.166.430.514	1.166.430.514
415				432.011.301	432.011.301
4311				1.360.835.600	1.360.835.600
4312				1.360.835.600	1.360.835.600
Phát sinh Nợ		0	0	4.320.113.016	4.567.918.440
Phát sinh Có		13.182.982	42.110.005	2.614.765.504	4.567.918.440
Dư Nợ					
Dư Có		1.663.237.507	1.705.347.512	0	

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 4212

*** Cơ sở lập báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:**

- Căn cứ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm trước
- Căn cứ vào sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết trong kỳ dùng cho các tài khoản từ loại 5 đến loại 9.

*** Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh:**

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của TK 511 và TK 512 trong năm báo cáo trên sổ Cái
- *Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02) :* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ TK 511, TK 512 đối ứng với bên Có TK 521, TK 531, TK 532, TK 333(TK 3331, 3332, 3333) trong báo cáo trên Sổ Cái
- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10):*
 $\text{Mã số 10} = \text{Mã số 01} - \text{Mã số 02}$
- *Giá vốn hàng bán (Mã số 11):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có của TK 632 trong kỳ báo cáo đối ứng với bên Nợ của TK 911 trên Sổ cái
- *Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 20):*
 $\text{Mã số 20} = \text{Mã số 10} - \text{Mã số 11}$
- *Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Nợ của TK 515 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái
- *Chi phí tài chính (Mã số 22):* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là lũy kế số phát sinh bên Có TK 635 đối ứng với bên Nợ TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái
- *Chi phí lãi vay (Mã số 23) :* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào Sổ kế toán chi tiết TK 635
- *Chi phí bán hàng (Mã số 24) :* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là tổng cộng số phát sinh bên Có của TK 641 đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái
- *Chi phí quản lý doanh nghiệp (Mã số 25) :* Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là

tổng cộng số phát sinh bên Có của TK 642 đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái

- *Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (Mã số 30)* : Chỉ tiêu này được tính trên cơ sở lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ cộng (+) Doanh thu hoạt động tài chính trừ (-) Chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ báo cáo

$$\text{Mã số 30} = \text{Mã số 20} + (\text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}) - \text{Mã số 24} - \text{Mã số 25}$$

- *Thu nhập khác (Mã số 31)* : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Nợ của TK 711 đối ứng với bên Có của TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái

- *Chi phí khác (Mã số 32)* : Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có của TK 811 đối ứng với bên Nợ của TK 911 trong kỳ báo cáo trên Sổ cái

- *Lợi nhuận khác (Mã số 40)* : Mã số 40 = Mã số 31 – Mã số 32

- *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (Mã số 50)*: Mã số 50 = Mã số 30 + Mã số 40

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8211 đối ứng với bên Nợ TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8211 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm)

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)*: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được căn cứ vào tổng số phát sinh bên Có TK 8212 đối ứng với bên Nợ TK 911 hoặc căn cứ vào số phát sinh bên Nợ TK 8212 đối ứng với bên Có TK 911 trong kỳ báo cáo (trường hợp này thường ghi âm)

- *Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Mã số 60)* :

$$\text{Mã số 60} = \text{Mã số 50} - (\text{Mã số 51} + \text{Mã số 52})$$

- *Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Mã số 70)* : Chỉ tiêu được hướng dẫn cách tính toán theo thông tư hướng dẫn Chuẩn mực kế toán số 30 “Lãi trên cổ phiếu”

Biểu số 2.22: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THUYẾT BẾN KIỀN		BÁO CÁO TÀI CHÍNH Cho năm tài chính 2009 Mẫu số B 02- DN		
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009				
Đơn vị tính: VND				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	598.856.563.050	449.442.770.674
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.18.	598.856.563.050	449.442.770.674
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	494.063.811.841	393.985.814.247
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.792.751.209	55.456.956.427
(20=10-11)				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	5.988.627.458	2.384.329.363
7. Chi phí tài chính	22	VI.21.	93.712.591.864	35.209.779.235
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		93.712.591.864	35.209.779.235
8. Chi phí bán hàng	24		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.6.	10.789.467.111	17.643.642.367
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		6.279.319.692	4.987.864.188
11. Thu nhập khác	31	VIII.2.7.	131.432.593	818.391.285
12. Chi phí khác	32	VIII.2.8.	410.595.318	696.994.151
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(279.162.725)	121.397.134
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.000.156.967	5.109.261.322
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.22.	1.680.043.951	1.430.593.170
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.320.113.016	3.678.668.152
18. Lợi nhuận lũy kế			0	0
Hải Phòng, ngày 16 tháng 03 năm 2010				
CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN				
CÔNG NGHIỆP TÀU THUYẾT BẾN KIỀN				
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc		

Chương 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIỀN

3.1. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIỀN

3.1.1. Nhận xét chung

Những biến động của nền kinh tế thị trường, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp. Do đó, bên cạnh những thuận lợi, Công ty phải đương đầu không ít khó khăn từ yếu tố khách quan cũng như chủ quan mang lại. Mặc dù vậy, với tiềm năng sẵn có cùng với sự lãnh đạo của Ban giám đốc Công ty, sự năng động sáng tạo, nhiệt tình của toàn thể công nhân viên, Công ty đã đạt được một số thành tựu trong kinh doanh và ngày càng được khách hàng tín nhiệm.

3.1.2. Một số ưu điểm của Công ty

Nhìn chung công tác kế toán tại Công ty đã dựa trên căn cứ khoa học đặc điểm tình hình thực tế của Công ty và làm kế toán Excel trên máy vi tính, tránh ghi chép thủ công mất nhiều thời gian, chi phí tốn kém hơn thế nữa chưa đáp ứng được việc tìm kiếm thông tin nhanh chóng, kịp thời. Đảm bảo được tính thống nhất về mặt phạm vi, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác liên quan.

➤ *Ưu điểm về bộ máy quản lý, tổ chức công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và phương thức thanh toán*

- *Về bộ máy quản lý và tổ chức công tác kế toán hiện nay*

+ Tổ chức bộ máy quản lý Công ty được xác định theo mô hình trực tuyến chức năng phù hợp với đặc điểm, quy mô sản xuất của Công ty. Công ty sắp xếp, bố trí các phòng ban một cách trật tự và hợp lý phù hợp trong công việc. Công ty có sự tổ chức tương đối chặt chẽ, mỗi bộ phận, mỗi phòng ban đều có

sự kết hợp và hỗ trợ lẫn nhau.

+ Việc tổ chức công tác kế toán hiện nay phù hợp với đặc điểm tình hình Công ty. Công ty luôn chấp hành một cách nghiêm túc và đầy đủ các chính sách, chế độ kế toán tài chính Nhà nước, các chính sách về thuế, giá. Tổ chức mở sổ tương đối đầy đủ, phù hợp để phản ánh tình hình biến động của thị trường, đồng thời ghi chép đầy đủ các nghiệp vụ phát sinh nhờ đó góp phần bảo vệ tài sản của Công ty.

- ***Về tổ chức bộ máy kế toán***

Bộ máy kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý tài chính của Công ty. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Tổ chức bộ máy kế toán gọn nhẹ phát huy hiệu suất của các kế toán viên.

Công ty lựa chọn loại hình kế toán tập trung phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, mỗi nghiệp vụ phát sinh được hạch toán nhanh chóng, chính xác.

Với mô hình kế toán này, việc hạch toán đảm bảo sự tập trung, thống nhất và chặt chẽ giúp cho việc kiểm tra chỉ đạo sản xuất kịp thời.

- ***Về phương thức thanh toán***

Do hoạt động của Công ty là sửa chữa và đóng mới, ngoài hình thức thanh toán chủ yếu là bằng tiền mặt, Công ty còn thanh toán bằng chuyển khoản đem lại rất nhiều thuận lợi.

➤ ***Ưu điểm về công tác kế toán nói chung***

- ***Chứng từ kế toán***

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ phát sinh. Các chứng từ được kế toán tổng hợp và lưu giữ, bảo quản cẩn thận, quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý, chứng từ từ khâu bán hàng, mua hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

- ***Về hệ thống tài khoản sử dụng***

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán. Mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

- ***Về tổ chức bộ sổ sách kế toán***

Công ty áp dụng sổ sách theo hình thức Nhật ký - chứng từ, phù hợp với những doanh nghiệp có quy mô sản xuất kinh doanh lớn, đặc điểm sản xuất kinh doanh đa dạng, số lượng chứng từ sổ sách theo dõi cũng khá nhiều.

Các chứng từ kế toán sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với nội dung kinh tế phát sinh. Hầu hết các chứng từ sử dụng đều đúng theo mẫu của Bộ tài chính mới ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ tài chính với đầy đủ các yếu tố cần thiết. Các chứng từ được phân loại rõ ràng theo hệ thống. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời.

➤ ***Ưu điểm về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- ***Về tổ chức kế toán chi phí :***

Chi phí kinh doanh là một vấn đề quan tâm hàng đầu của hầu hết các doanh nghiệp. Do vậy, Doanh nghiệp luôn tìm mọi cách để quản lý chi phí một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi không làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh tại Công ty được theo dõi cụ thể để có thể kiểm soát một cách chặt chẽ.

- ***Về tổ chức kế toán doanh thu***

Kế toán doanh thu đều được hạch toán và theo dõi một cách chặt chẽ. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để tiến hành hạch toán kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc ghi chép phản ánh được tiến hành dựa trên căn cứ khoa học và chế độ kế toán hiện hành.

- ***Về tổ chức công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh***

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã đáp ứng được yêu cầu của Ban Giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của từng mặt hoạt động cụ thể cũng như tổng hợp của cả Công ty một cách kịp thời, chính xác. Việc ghi chép, phản ánh được tiến hành dựa trên tình hình thực tế của Công ty.

3.1.3. Những hạn chế

- ❖ ***Về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh***

- *Việc vận dụng hệ thống tài khoản*

Hiện tại Công ty không sử dụng tài khoản cấp 2 đối với TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Do đó việc hạch toán doanh thu chưa thật chi tiết và chưa phản ánh được doanh thu chủ yếu của Công ty là đóng mới tàu hay do sửa chữa tàu...Điều này sẽ làm cho Ban quản lý dễ bị nhầm lẫn, từ đó Ban giám đốc sẽ không đưa ra được nhiều định hướng và các biện pháp kinh tế đúng đắn nhằm cân đối giữa các mặt hàng do Công ty cung cấp, nhằm tối đa hoá lợi nhuận.

- *Về hệ thống sổ sách kế toán*

- Nhật ký chứng từ số 8 là một sổ rất quan trọng của hình thức Nhật ký - chứng từ giúp tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cho toàn doanh nghiệp nhưng Công ty không mở tổng hợp Nhật ký chứng từ số 8 cho toàn Công ty

Việc không mở tổng hợp Nhật ký chứng từ số 8 cho toàn Công ty dẫn đến:

- + Không có bảng số liệu tổng hợp Nhật ký chứng từ số 8 cho toàn Công ty, sẽ không biết được doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tập hợp trong kỳ là bao nhiêu

- + Dễ xảy ra nhầm lẫn, sai sót

- + Không kiểm tra được việc tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- + Ban quản lý muốn kiểm tra, so sánh, đối chiếu để xem doanh nghiệp tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng hay không là rất khó

khăn

- Bảng kê số 11 là một trong những sổ của hình thức Nhật ký - chứng từ giúp cho việc thanh toán tiền hàng với người mua và người đặt hàng được theo dõi chung hơn nhưng Công ty không mở tổng hợp Bảng kê số 11 cho toàn Công ty.

Việc không mở tổng hợp Bảng kê số 11 cho toàn Công ty dẫn đến:

+ Khó trong việc tổng hợp việc thanh toán của từng khách hàng với Công ty
+ Ban quản lý muốn kiểm tra xem doanh nghiệp nào chiếm dụng vốn của Công ty là nhiều hay ít là rất khó khăn

❖ **Những hạn chế khác**

- *Về việc áp dụng máy tính trong công việc kế toán*

Tuy là một công ty có quy mô hoạt động lớn, đã có sự đầu tư máy móc cho các văn phòng, làm giảm bớt công việc, nâng cao hiệu quả làm việc nhưng kế toán làm trên máy lại không sử dụng phần mềm kế toán, do vậy mất khá nhiều thời gian, đôi khi có thể dẫn tới sai lệch, nhầm lẫn về số liệu.

- *Về việc lưu chuyển chứng từ*

Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở Công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm bảo đúng hạn quy định.

Hơn nữa, việc tập hợp, luân chuyển chứng từ do không có quy định cụ thể về thời gian giao nộp chứng từ nên tình trạng chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa lên Phòng Tài chính - kế toán để xử lý, dẫn đến kỳ sau mới xử lý được gây nên tình trạng công việc quá tải khi chứng từ về cùng một lúc

- *Về tình hình quản lý công nợ*

Hiện nay Công ty CNTT Bến Kiên có rất nhiều bạn hàng trong và ngoài nước. Ngoài những khách hàng đến nhận hàng và thanh toán ngay, Công ty còn ghi chép khách hàng chậm trả tiền hàng (bộ phận này chiếm tỷ lệ không nhỏ), doanh nghiệp hết sức tạo điều kiện cho khách hàng đặt hàng tại Công ty.

Điều này khó có thể tránh được một số vấn đề thường có trong nền kinh tế thị trường là Công ty bị các doanh nghiệp chiếm dụng vốn tương đối nhiều khiến cho doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do tình trạng thiếu vốn.

3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIÊN

3.2.1. Tính tất yếu của việc hoàn thiện

Trong điều kiện hiện nay cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng trở nên gay gắt. Nhà nước đóng vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế, sự thành bại của mỗi doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào công tác kế toán thông qua việc kiểm tra, tính toán, ghi chép và phân loại tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bằng hệ thống phương pháp khoa học của kế toán, chứng từ, đối ứng tài khoản, tính giá và tổng hợp cân đối có thể biết được thông tin đầy đủ chính xác kịp thời về tình hình tài sản và sự vận động của tài sản tổng quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp các thông tin cho các đối tượng quan tâm đến tình hình tài chính triển vọng, phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong từng thời kỳ. Vì vậy cần phải hoàn thiện công tác kế toán cho thích hợp các yêu cầu quản lý của nền kinh tế thị trường hiện nay.

Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Việc thực hiện phải được thực hiện từ khâu hạch toán ban đầu đến khâu lập báo cáo tài chính theo quyết định của Nhà nước. Các bước triển khai quá trình hoàn thiện phải nhất nhất tuân thủ theo một quy định chung và phải phù hợp với chế độ kế toán hiện hành. Có như vậy, quá trình hoàn thiện mới đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Từ đó giúp cho các nhà lãnh đạo kiểm tra, theo dõi, đưa ra các biện pháp chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của quá trình kinh doanh.

Việc hoàn công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh, đặc điểm tổ chức quản lý

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

và trình độ cán bộ nhân viên kế toán trong đơn vị.

Việc hoàn thiện công tác kế toán còn góp phần tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán dễ dàng hơn. Đồng thời giúp người quan tâm đến doanh nghiệp hiểu rõ hơn về tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Hoàn thiện công tác kế toán trên ngoài hiệu quả đem lại đối với kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, nó còn góp phần hoàn thiện công tác tổ chức kế toán tại Công ty, giúp cho nhà quản lý có thể lãnh đạo hoạt động kinh doanh tốt hơn.

3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

Qua thời gian thực tập tại Công ty, trên cơ sở lý luận đã học ở trường kết hợp với tình hình thực tế công tác kế toán tại Công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Ý kiến 1: Công ty nên mở Nhật ký chứng từ số 8 cho toàn Công ty

Để tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của toàn Công ty, kế toán cần lập tổng hợp Nhật ký chứng từ số 8 cho toàn Công ty.

Tác dụng của việc lập tổng hợp Nhật ký chứng từ số 8

- + Biết được doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của toàn doanh nghiệp là bao nhiêu
- + Dễ phát hiện ra nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của toàn doanh nghiệp
- + Việc mở Nhật ký chứng từ số 8 sẽ giúp cho Ban quản lý kiểm tra được việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của công ty là đúng hay sai

Dưới đây là mẫu sổ Nhật ký chứng từ số 8 ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Cơ sở và phương pháp ghi Nhật ký chứng từ số 8:

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

- Căn cứ vào Bảng kê số 8 và Bảng kê số 10 phân ghi Có để ghi vào các cột ghi Có TK 155, 156, 158
- Căn cứ vào Bảng kê số 11 phân ghi Có để ghi vào cột ghi Có Tk 131
- Căn cứ vào sổ chi tiết bán hàng dùng cho TK 511, 512 phân ghi Có để ghi vào các cột ghi Có TK 511, 512
- Căn cứ vào sổ chi tiết dùng chung chp các TK 159, 515, 521, 531, 532, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 911 phân ghi Có để ghi vào các cột ghi Có TK 159, 515, 521, 531, 532, 632, 635, 641, 642, 711, 811, 911

Cuối tháng hoặc cuối quý khoá sổ Nhật ký chứng từ số 8 xác định tổng số phát sinh bên Có của các TK 155, 156, 157, 158, 159, 131, 511, 512, 515, 521, 531, 532, 632, 641, 642, 711, 811, 821, 911 đối ứng Nợ các tài khoản liên quan và lấy số tổng cộng của Nhật ký chứng từ số 8 để ghi Sổ cái.

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04a8-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

Ghi Có các TK: 155,156,158,159,131,511,512,515,521,531,532,632,641,642,711,811,821,911

Tháng.....năm.....

Số TT	Số hiệu TK ghi Nợ	Các TK ghi Có															
		155	156	158	131	511	521	531	532	512	632	641	642	515	...	Cộng	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	111	Tiền mặt															
	112	Tiền gửi ngân hàng															
	113	Tiền đang chuyển															
	131	Phải thu khách hàng															
	511	D.thu B.hàng và cung cấp dịch vụ															
	632	Giá vốn hàng bán															
	911	Xác định kết quả kinh doanh															
																
	Cộng																

Đã ghi số Cái ngày...tháng...năm....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán tổng hợp
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ý kiến 2: Công ty nên mở Bảng kê số 11 cho toàn Công ty

Để biết được tình hình thanh toán với người mua và người đặt hàng thì kế toán cần lập Bảng kê số 11 cho toàn doanh nghiệp

Tác dụng của việc mở tổng hợp Bảng kê số 11 cho toàn Công ty

- + Dễ dàng hơn trong việc tổng hợp thanh toán của khách hàng với Công ty
- + Giúp cơ quan quản lý biết được khách hàng nào chiếm dụng vốn của Công ty nhiều hay ít là rất dễ dàng.

Dưới đây là mẫu sổ Bảng kê số 11 ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính

Phương pháp ghi sổ:

Cơ sở để ghi Bảng kê số 11 là căn cứ vào số liệu tổng cộng cuối tháng của sổ theo dõi thanh toán (TK 131 “Phải thu của khách hàng”) mở cho từng người mua, và ghi một lần vào một dòng của Bảng kê số 11. Cuối tháng hoặc cuối quý khoá sổ Bảng kê số 11, xác định số phát sinh bên Có TK 131 và lấy số tổng cộng của Bảng kê số 11 để ghi Nhật ký chứng từ số 8 (ghi Có TK 131, Nợ các tài khoản liên quan)

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S04b11-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG KÊ SỐ 11
PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)

Tháng...năm....

Số TT	Tên người mua	Số dư đầu tháng		Ghi Nợ TK 131, ghi Có các TK					Ghi Có TK 131, ghi Nợ các TK					Số dư cuối tháng		
		Nợ	Có	511	711	331	...	Cộng Nợ TK 131	111	112	521	531	...	Cộng Có TK 131	Nợ	Có
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Cộng															

Ngày....tháng....năm....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ý kiến 3: Về tài khoản sử dụng

Đối với TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Công ty nên mở 2 tiểu khoản cho tài khoản doanh thu

+ TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm: Thành phẩm của Công ty là các con tàu đã được sửa chữa hoặc đóng mới hoàn thành, được tiến hành bàn giao cho các chủ tàu, cho các khách hàng đã đặt hàng theo đơn hàng

+ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ: Dịch vụ của Công ty bao gồm các dịch vụ hàng hải như: kiểm tra, kiểm dịch, xếp dỡ, hạ thủy tàu....theo yêu cầu của khách hàng

Tác dụng của việc mở các tiểu khoản cho TK 511

+ Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ nào có hiệu quả, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào và nên giảm doanh thu của hàng hoá, dịch vụ nào. Từ đó các nhà lãnh đạo sẽ mở rộng đầu tư máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình cung cấp hàng hoá, dịch vụ nhằm thu được hiệu quả kinh tế cao nhất

+ Giúp cho nhà quản lý xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại

Ý kiến 4: Ý kiến khác

** Tìm hiểu và ứng dụng phần mềm kế toán*

Tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kẻ mẫu sổ sách và ứng dụng Excel tính lương trong bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng cho TSCĐ. Mà công việc kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Vì vậy, Công ty cần nhanh chóng trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư

103/2005/TT – BTC ký ngày 24/11/2005 về việc”Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- + Phần mềm kế toán MISA của công ty CP MISA
- + Phần mềm SAS INNOVA
- + Phần mềm MEGA DATA

Khi sử dụng được những phần mềm này, việc kiểm tra, xử lý và cung cấp thông tin kinh tế tài chính được nhanh chóng, chính xác kịp thời. Thêm vào đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ và bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

** Biện pháp đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ*

Trong nền kinh tế thị trường, vấn đề sống còn đối với mỗi doanh nghiệp đó là hiệu quả sử dụng vốn, tức là vốn doanh nghiệp phải được quay vòng nhanh. Vấn đề này có liên quan đến việc thu hồi nợ và các đơn vị thông qua việc mua bán, giao dịch thị trường thường xuyên chiếm dụng vốn lẫn nhau.

Ở Công ty, số nợ phải thu của khách hàng đối với Công ty là khá cao. Công ty nên áp dụng chính sách”chiết khấu thanh toán” cho khách hàng thường xuyên có uy tín, thanh toán luôn đúng và trước hạn. Còn đối với việc trả chậm sau hạn có thể tính lãi hay phạt theo lãi suất tiền vay của ngân hàng...có như vậy Công ty mới nhanh chóng thu hồi được vốn và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy cần có các quy định cụ thể trong việc thanh toán như áp dụng chặt chẽ thanh toán thưởng phạt để thu hồi nợ. Các biện pháp phải đảm bảo hai nguyên tắc: Lợi ích Công ty không bị xâm phạm, đồng thời không bị mất bạn hàng.

** Về việc luân chuyển chứng từ*

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại Công ty từ kho đến phòng Tài chính - kế toán để xử lý chứng từ chậm trả gây rất nhiều khó khăn và ảnh hưởng tới việc tính giá thành sản phẩm, dồn ứ công việc sang tháng sau, làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên kế toán phải vất vả trong công việc.

Vì vậy Công ty cần có những biện pháp quy định về ngày luân chuyển

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

chứng từ nhất định trong tháng để việc tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ, kịp thời. Chẳng hạn, có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho,... phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ đó nhanh chóng nhất.

Kết luận

Trong những năm qua Việt Nam đã đạt được những bước tiến quan trọng trong việc đổi mới và phát triển kinh tế. Nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao, với nhiều thành quả đáng khích lệ.

Hoà cùng bước tiến của Đất nước, Công ty TNHH NN một thành viên CNTT Bến Kiên đã nỗ lực hết sức mình để vươn lên giành được những thành tích cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đạt mức tăng trưởng cao, đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên cũng như hoàn thành tốt các nhiệm vụ do Nhà nước giao cho.

Qua quá trình thực tập kết hợp giữa lý luận và thực tế em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tiễn cao. Để phát huy vai trò của mình trong quản lý kế toán tài chính tại công ty, các nhân viên kế toán tại Phòng kế toán đã luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình và không ngừng học hỏi để nâng cao hơn nữa kiến thức chuyên môn, nhiệm vụ cũng như tinh thần trách nhiệm, luôn luôn cố gắng hết sức để hoàn thiện công tác kế toán tại công ty. Ngày nay, khi quá trình cạnh tranh diễn ra ngày càng quyết liệt, khi mà công tác tiêu thụ hàng hoá trở thành vấn đề quan tâm hàng đầu thì việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cũng đòi hỏi phải được hoàn thiện.

Là một sinh viên ngành Kế toán - kiểm toán em luôn nghĩ cần phải nhận thức đầy đủ cả về lý luận và thực tế ở mọi góc độ khác nhau trong công tác kế toán. Sau một thời gian thực tập tại Công ty, em đã nhận thức đầy đủ hơn về vấn đề này nhất là tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Em nghĩ tất cả những gì đã học được tại nhà trường và ở Công ty sẽ là hành trang quý báu giúp em bước vào đời.

Trên đây là toàn bộ nội dung của đề tài em nghiên cứu. Tuy nhiên do thời gian thực tập để tìm hiểu thực tế không nhiều, và kiến thức chưa được sâu, rộng nên không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, giúp đỡ của thầy cô và những người quan tâm. Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự

Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên

hướng dẫn tận tình của cô giáo - Tiến sĩ Giang Thị Xuyên và sự giúp đỡ của các cô chú, các anh chị trong Phòng Tài chính - kế toán và phòng ban lãnh đạo Công ty TNHH Nhà nước một thành viên Công nghiệp tàu thủy Bến Kiên đã tạo điều kiện cho em hoàn thành bài khoá luận tốt nghiệp này.

Sinh viên

Bùi Thị Thưa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 1) – Hệ thống tài khoản kế toán – NXB tài chính
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (quyển 2) – BCTC chứng từ và sổ kế toán, Sơ đồ kế toán – NXB tài chính
3. QĐ số 15/2006 QĐ- BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.
4. Trang [www. Webketoan.com.vn](http://www.Webketoan.com.vn)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.1.1. Một số khái niệm về các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp	3
1.1.2. Điều kiện ghi nhận doanh thu	4
1.1.3. Nguyên tắc xác định doanh thu.....	4
1.1.4. Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.2. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	6
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	6
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.2.3. Kế toán giảm giá hàng bán.....	13
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	20
1.2.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	24
1.2.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	26
1.2.7. Kế toán thu nhập khác.....	27
1.2.8. Kế toán chi phí khác.....	29
1.2.9. Xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.3. ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH THEO CÁC HÌNH THỨC KẾ TOÁN.....	33
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	33
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	33
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	35

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	36
Chương 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CNTT BẾN KIÊN.....	38
2.1. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY TNHH NN MỘT THÀNH VIÊN CNTT BẾN KIÊN.....	38
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty.....	38
2.1.2. Đặc điểm về sản xuất kinh doanh của Công ty.....	39
2.1.3. Đặc điểm về cơ cấu tổ chức của Công ty.....	40
2.1.4. Đặc điểm về tổ chức công tác kế toán tại Công ty.....	44
2.2. ĐẶC ĐIỂM TỔ CHỨC HẠCH TOÁN KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY.....	46
2.2.1. Chính sách kế toán chung tại Công ty.....	46
2.2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán.....	47
2.2.2.1. Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.....	47
2.2.2.2. Hình thức sổ kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.....	47
2.2.2.3. Báo cáo tài chính.....	49
2.3. THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY.....	49
2.3.1. Thực trạng tổ chức hạch toán doanh thu tại Công ty.....	49
2.3.1.1. Đặc điểm quá trình tiêu thụ tại Công ty.....	49
2.3.2.2. Thực trạng hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....	50
2.3.2.Hạch toán giá vốn hàng bán.....	55
2.3.4. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính.....	61
2.3.5. Hạch toán chi phí tài chính.....	64
2.3.6. Hạch toán thu nhập khác.....	67
2.3.7. Hạch toán chi phí khác.....	70
2.3.8. Xác định kết quả kinh doanh.....	73

Chương 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIÊN	79
3.1. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIÊN...	79
3.1.1. Nhận xét chung.....	79
3.1.2. Một số ưu điểm của Công ty	79
3.1.3. Những hạn chế	82
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY BẾN KIÊN	84
3.2.1. Tính tất yếu của việc hoàn thiện	84
3.2.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước một thành viên công nghiệp tàu thủy Bến Kiên.....	88
Kết luận	93
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	94